TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y - DƯỢC, ĐẠI HỌC HUẾ
BỆNH VIỆN TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y - DƯỢC HUẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 675 /BCB-BVYD

Thành phố Huế, ngày 10 tháng 4 năm 2025

BẢN CÔNG BỐ
Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành

Kính gửi: **Cục Quản lý khám, chữa bệnh - Bộ Y tế**

Tên cơ sở hướng dẫn thực hành: **Bệnh viện Trường Đại học Y - Dược Huế**

Số Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh: 285/BYT-GPHĐ do Bộ Y tế cấp ngày 15/05/2019.

Địa chỉ: 41-51 Nguyễn Huệ, phường Vĩnh Ninh, Thành phố Huế, Việt Nam

Người chịu trách nhiệm chuyên môn: PGS.TS. Nguyễn Khoa Hùng (Giám đốc Bệnh viện)

Điện thoại: 02343849013 Email: phong.nckh-dn-dt@bv.huemed-univ.edu.vn

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành theo quy định với các nội dung sau đây:

1. Đối tượng hướng dẫn thực hành: Bác sĩ Y khoa, Bác sĩ Răng Hàm Mặt, Bác sĩ Y học dự phòng, Điều dưỡng, Hộ sinh, Kỹ thuật Y.

2. Danh sách người hướng dẫn thực hành *(Danh mục chi tiết kèm theo trong Phụ lục 1)*

3. Các nội dung thực hành được ký hợp đồng hợp tác với các cơ sở thực hành khác (nếu có): không

4. Số lượng người thực hành có thể tiếp nhận để hướng dẫn thực hành: 200 người/năm

5. Chi phí hướng dẫn thực hành: Bác sĩ: 1.500.000đ/ tháng/ người; Các đối tượng khác: 1.000.000đ/ tháng/ người

Cơ sở cam kết và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã công bố./.

Nơi nhận:
- Ban Giám hiệu;
- BGĐ B/v;
- B/c CQ quản lý cấp trên;
- Lưu: VT, NCKH B/v.

GIÁM ĐỐC

BỆNH VIỆN TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y - DƯỢC HUẾ

Nguyễn Khoa Hùng

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y-DƯỢC, ĐẠI HỌC HUẾ
BỆNH VIỆN TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y-DƯỢC HUẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục I

DANH SÁCH NGƯỜI HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH TẠI BỆNH VIỆN TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y - DƯỢC HUẾ

(Đính kèm Bản công bố Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành số: 675 /BCB-BVYD ngày 10 tháng 4 năm 2025 của Bệnh viện Trường Đại học Y - Dược Huế)

I. DANH SÁCH BÁC SĨ

TT	Họ và tên	Số CCHN	Phạm vi hành nghề	Vị trí chuyên môn
1	Nguyễn Văn Minh	0007551/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội TH, GMHS	Bác sĩ điều trị - Trưởng Khoa Gây mê - Hồi sức - Cấp cứu - Chống độc
2	Trần Xuân Thịnh	0007552/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội TH, GMHS	Bác sĩ điều trị - Trưởng Đơn vị ICU
3	Lê Văn Tâm	0007542/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội TH, GMHS	Bác sĩ điều trị - Phó Trưởng Khoa Gây mê - Hồi sức - Cấp cứu - Chống độc
4	Phan Thắng	0007546/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội TH, GMHS	Bác sĩ điều trị
5	Võ Việt Hà	0007547/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội TH, GMHS	Bác sĩ điều trị
6	Bùi Thị Thương	0007545/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội TH, GMHS	Bác sĩ điều trị
7	Trần Thị Thu Lành	0007543/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội TH, GMHS	Bác sĩ điều trị
8	Phạm Thị Minh Thư	0007544/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội TH, GMHS	Bác sĩ điều trị
9	Lê Văn Long	0007550/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội TH, GMHS	Bác sĩ điều trị

TT	Họ và tên	Số CCHN	Phạm vi hành nghề	Vị trí chuyên môn
10	Bùi Thị Thúy Nga	0007548/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội TH, GMHS	Bác sĩ điều trị
11	Trần Vũ Huấn	044515/BYT-CCHN	Chuyên khoa Gây mê hồi sức	Bác sĩ điều trị
12	Nguyễn Khánh Huy	038180/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Hồi sức cấp cứu	Bác sĩ điều trị
13	Nguyễn Đình Toàn	0007620/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng hợp	Bác sĩ điều trị - Giám đốc Trung tâm Cấp cứu Đa khoa và Đột quỵ
14	Trần Ngọc Phước	0007536/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại TH	Bác sĩ điều trị - Phó Giám đốc Trung tâm Cấp cứu Đa khoa và Đột quỵ
15	Nguyễn Văn Quang	0007569/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại CTCH	Bác sĩ điều trị - Phó Giám đốc Trung tâm Cấp cứu Đa khoa và Đột quỵ
16	Nguyễn Xuân Nhân	047487/HT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội	Bác sĩ điều trị
17	Lê Nhật Quang	006490/HT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội	Bác sĩ điều trị
18	Trần Công Thư	048020/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội	Bác sĩ điều trị
19	Dương Vĩnh Hoàng Lân	049220/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa	Bác sĩ điều trị
20	Mai Thị Hoài Hương	049360/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa	Bác sĩ điều trị
21	Hoàng Anh Tiến	0007611/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Tổng hợp, Chuyên khoa Nội Tim mạch, Can thiệp tim mạch, Siêu âm tim	Bác sĩ điều trị - Phó Giám đốc Trung tâm Tim mạch
22	Nguyễn Vũ Phòng	035702/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Tim mạch	Bác sĩ điều trị
23	Nguyễn Gia Bình	038764/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội	Bác sĩ điều trị
24	Đàm Trung Nghĩa	037404/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội	Bác sĩ điều trị
25	Dương Minh Quý	040758/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội	Bác sĩ điều trị
26	Đoàn Khánh Hùng	037440/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội	Bác sĩ điều trị
27	Đỗ Thị Hồng Diệp	041806/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội	Bác sĩ điều trị
28	Lê Phước Hoàng	043393/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội	Bác sĩ điều trị

TT	Họ và tên	Số CCHN	Phạm vi hành nghề	Vị trí chuyên môn
29	Ngô Viết Lâm	038767/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội	Bác sĩ điều trị
30	Đoàn Phạm Phước Long	044928/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội	Bác sĩ điều trị
31	Nguyễn Lê Hoàng Minh	047490/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội	Bác sĩ điều trị
32	Lê Văn Chi	0007632/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng hợp	Bác sĩ điều trị - Trưởng Khoa Nội TH-NT-CXK
33	Lê Chuyển	0007596/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng hợp	Bác sĩ điều trị - Phó Trưởng Khoa Nội TH-NT-CXK
34	Nguyễn Hoàng Thanh Vân	0007590/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng hợp	Bác sĩ điều trị - Phó Trưởng Khoa Nội TH-NT-CXK
35	Lê Văn An	0007600/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng hợp	Bác sĩ điều trị
36	Dương Thị Ngọc Lan	0007603/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng hợp	Bác sĩ điều trị
37	Nguyễn Thị Ý Nhi	0007606/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng hợp;Nội soi hô hấp chẩn đoán và can thiệp	Bác sĩ điều trị
38	Nguyễn Thị Ngà	038761/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội	Bác sĩ điều trị
39	Nguyễn Thị Vi Mẫn	043392/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội	Bác sĩ điều trị
40	Lê Quang Hồng Minh	043391/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội	Bác sĩ điều trị
41	Trần Duy Khiêm	048424/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa	Bác sĩ điều trị
42	Lê Thị Hồng Vân	0007589/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng hợp	Bác sĩ điều trị - Phó Trưởng Phòng khám Nội
43	Lê Đình Khánh	003116/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại Thận - Tiết niệu	Bác sĩ điều trị - Trưởng Khoa Ngoại Tiết niệu-Thần kinh
44	Nguyễn Thanh Minh	031136/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	Bác sĩ điều trị - Phó Trưởng Khoa Ngoại Tiết niệu-Thần kinh
45	Nguyễn Nhật Minh	031164/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại tiết niệu-Nam khoa	Bác sĩ điều trị - Phó Trưởng Khoa Ngoại Tiết niệu-Thần kinh
46	Nguyễn Khoa Hùng	035703/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại Tiết niệu	Bác sĩ điều trị
47	Nguyễn Trường An	0007564/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	Bác sĩ điều trị

TT	Họ và tên	Số CCHN	Phạm vi hành nghề	Vị trí chuyên môn
48	Lê Đình Đạm	0007573/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại; Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại tiết niệu và Ung thư niệu khoa	Bác sĩ điều trị - Phó Trưởng Phòng khám Ngcại Tiết niệu và Tán sỏi ngoài cơ thể
49	Nguyễn Xuân Mỹ	003463/TTH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	Bác sĩ điều trị
50	Võ Minh Nhật	037441/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	Bác sĩ điều trị
51	Đinh Thị Phương Hoài	043400/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	Bác sĩ điều trị
52	Nguyễn Vĩnh Lạc	045383/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	Bác sĩ điều trị
53	Trần Đức Hoàng	049081/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	Bác sĩ điều trị
54	Phạm Anh Vũ	0025805/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	Bác sĩ điều trị - Trưởng Khoa Ngoại Tiêu hóa
55	Nguyễn Hữu Trí	0007576/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	Bác sĩ điều trị - Phó Trưởng Khoa Ngoại Tiêu hóa
56	Phan Đình Tuấn Dũng	0024826/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại tiêu hóa	Bác sĩ điều trị - Phó Trưởng Khoa Ngoại Tiêu hóa
57	Nguyễn Đoàn Văn Phú	0007580/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	Bác sĩ điều trị - Phó Trưởng Phòng khám Ngoại Tiêu hóa
58	Nguyễn Thành Phúc	0007575/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	Bác sĩ điều trị
59	Trần Văn Khôi	0023258/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	Bác sĩ điều trị
60	Đoàn Phước Vựng	035700/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Ngoại tiêu hóa	Bác sĩ điều trị
61	Nguyễn Minh Thảo	030978/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	Bác sĩ điều trị
62	Nguyễn Đình Sơn	047492/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	Bác sĩ điều trị
63	Phạm Minh Đức	040736/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	Bác sĩ điều trị
64	Đặng Như Thành	035741/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại tiêu hóa	Bác sĩ điều trị
65	Lê Nghi Thành Nhân	0007859/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại Chấn thương chỉnh hình	Bác sĩ điều trị - Trưởng Khoa Ngoại Chấn thương Chỉnh hình - Lồng ngực

TT	Họ và tên	Số CCHN	Phạm vi hành nghề	Vị trí chuyên môn
66	Hồ Duy Bính	0008395/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại - Chấn thương chỉnh hình, Phẫu thuật tạo hình	Bác sĩ điều trị - Phó Trưởng Khoa Ngoại Chấn thương Chỉnh hình - Lồng ngực
67	Lê Hồng Phúc	0007856/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại - Chấn thương chỉnh hình, Phẫu thuật tạo hình	Bác sĩ điều trị - Phó Trưởng Khoa Ngoại Chấn thương Chỉnh hình - Lồng ngực
68	Nguyễn Bá Lưu	038790/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	Bác sĩ điều trị - Phó Trưởng Phòng khám Ngoại chấn thương Chỉnh hình - Bó bột
69	Trần Hữu Dũng	0007857/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại - Chấn thương chỉnh hình, Phẫu thuật tạo hình	Bác sĩ điều trị
70	Đặng Lê Hoàng Nam	0007855/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	Bác sĩ điều trị
71	Hoàng Đình Anh Hào	038760/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	Bác sĩ điều trị
72	Trần Nhật Tiến	031094/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	Bác sĩ điều trị
73	Trương Quang Vinh	0007654/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản phụ khoa	Bác sĩ điều trị - Trưởng Khoa Phụ sản
74	Võ Văn Đức	000409/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản phụ khoa	Bác sĩ điều trị - Phó Trưởng Khoa Phụ sản
75	Nguyễn Thị Kim Anh	0007652/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản phụ khoa	Bác sĩ điều trị - Phó Trưởng Khoa Phụ Sản
76	Đặng Khánh Ly	035715/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản phụ khoa	Bác sĩ điều trị
77	Hồ Trần Tuấn Hùng	005110/TTH- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản phụ khoa	Bác sĩ điều trị
78	Hoàng Thế Hiệp	031004/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản phụ khoa	Bác sĩ điều trị
79	Trần Trọng Duy	047489/BYT- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản phụ khoa	Bác sĩ điều trị
80	Phan Hùng Việt	005658/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi	Bác sĩ điều trị - Trưởng Khoa Nhi
81	Hoàng Thị Thủy Yên	005656/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi	Bác sĩ điều trị
82	Nguyễn Thị Thanh Bình (E)	031000/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi	Bác sĩ điều trị
83	Lê Thanh Thái	0007666/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa TMH	Bác sĩ điều trị - Trưởng Khoa Tai mũi họng-Mắt-Răng hàm mặt

TT	Họ và tên	Số CCHN	Phạm vi hành nghề	Vị trí chuyên môn
84	Phan Hữu Ngọc Minh	0007664/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa TMH	Bác sĩ điều trị - Phó Trưởng Khoa Tai mũi họng-Mắt-Răng hàm mặt
85	Lê Viết Nhật Hưng	0023256/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Mắt	Bác sĩ điều trị - Phó Trưởng Khoa Tai mũi họng-Mắt-Răng hàm mặt
86	Nguyễn Văn Minh	0007636/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa RHM	Bác sĩ điều trị - Phó Trưởng Khoa Tai mũi họng-Mắt-Răng hàm mặt
87	Hoàng Minh Phương	0007779/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh răng hàm mặt	Bác sĩ điều trị
88	Hoàng Vũ Minh	039956/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh răng hàm mặt	Bác sĩ điều trị
89	Võ Khắc Tráng	043397/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh răng hàm mặt	Bác sĩ điều trị
90	Trần Tấn Tài	0007637/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh răng hàm mặt	Bác sĩ điều trị
91	Trần Xuân Phương	0007645/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh răng hàm mặt	Bác sĩ điều trị
92	Hồ Sỹ Minh Đức	039947/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh răng hàm mặt	Bác sĩ điều trị
93	Hoàng Anh Đào	0007639/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh răng hàm mặt	Bác sĩ điều trị
94	Lê Thị Quỳnh Thư	0007649/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh răng hàm mặt	Bác sĩ điều trị
95	Đỗ Phan Quỳnh Mai	035707/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh răng hàm mặt	Bác sĩ điều trị
96	Lê Hà Thùy Nhung	0023261/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh răng hàm mặt	Bác sĩ điều trị
97	Lê Văn Nhật Thắng	038771/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh răng hàm mặt	Bác sĩ điều trị
98	Trần Thiện Mẫn	0007641/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh răng hàm mặt	Bác sĩ điều trị
99	Hồ Xuân Anh Ngọc	035708/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh răng hàm mặt	Bác sĩ điều trị
100	Trần Thị Huyền Phương	0023262/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh răng hàm mặt	Bác sĩ điều trị
101	Đặng Minh Huy	039954/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh răng hàm mặt	Bác sĩ điều trị
102	Nguyễn Thị Thùy Dương	0007647/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh răng hàm mặt	Bác sĩ điều trị
103	Nguyễn Thị Thanh Hoàng	0007646/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh răng hàm mặt	Bác sĩ điều trị
104	Nguyễn Thị Phương Thảo	035705/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh răng hàm mặt	Bác sĩ điều trị
105	Nguyễn Gia Kiều Ngân	030299/ BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh răng hàm mặt	Bác sĩ điều trị
106	Phan Anh Chi	031134/ BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh răng hàm mặt	Bác sĩ điều trị
107	Nguyễn Ngọc Tâm Đan	0007643/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh răng hàm mặt	Bác sĩ điều trị

TT	Họ và tên	Số CCHN	Phạm vi hành nghề	Vị trí chuyên môn
108	Nguyễn Lê Minh Trang	035706/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh răng hàm mặt	Bác sĩ điều trị
109	Trần Nguyễn Trà My	0023264/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Mắt	Bác sĩ điều trị - Phó Trưởng Phòng khám Mắt
110	Đỗ Long	0027778/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Mắt	Bác sĩ điều trị
111	Nguyễn Lưu Trình	0007661/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa TMH	Bác sĩ điều trị - Phó Trưởng Phòng khám Tai mũi họng
112	Nguyễn Nguyện	0027420/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa TMH	Bác sĩ điều trị
113	Hoàng Phước Minh	031097/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa TMH	Bác sĩ điều trị
114	Hồ Minh Trí	031163/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa TMH	Bác sĩ điều trị
115	Hoàng Vũ Minh	039956/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa RHM	Bác sĩ điều trị
116	Võ Khắc Tráng	043397/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa RHM	Bác sĩ điều trị
117	Võ Đoàn Minh Nhật	045559/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa TMH	Bác sĩ điều trị
118	Dương Thị Mỹ	047472/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa TMH	Bác sĩ điều trị
119	Phan Văn Năm	0007565/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Mắt	Bác sĩ điều trị
120	Nguyễn Văn Cầu	0007669/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Ung bướu	Bác sĩ điều trị - Trưởng Khoa Ung bướu
121	Nguyễn Trần Thúc Huân	0007673/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Ung bướu	Bác sĩ điều trị - Phó Trưởng Khoa Ung bướu
122	Hồ Xuân Dũng	0007671/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Ung bướu	Bác sĩ điều trị - Phó Trưởng Khoa Ung bướu
123	Phùng Phướng	0007672/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại Ung bướu	Bác sĩ điều trị
124	Nguyễn Thị Hồng Chuyên	0007674/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Ung bướu	Bác sĩ điều trị
125	Lê Thanh Huy	040759/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	Bác sĩ điều trị
126	Hoàng Hữu	038768/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ung bướu	Bác sĩ điều trị
127	Nguyễn Thị Thủy	038157/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Ung bướu	Bác sĩ điều trị

TT	Họ và tên	Số CCHN	Phạm vi hành nghề	Vị trí chuyên môn
128	Hà Thanh Thanh	048870/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ung bướu	Bác sĩ điều trị
129	Hà Nữ Thùy Dương	0007561/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng hợp, Xét nghiệm Huyết học Truyền máu. Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Huyết học	Bác sĩ điều trị - Trưởng Khoa Huyết học-Truyền máu
130	Phù Thị Hoa	0007558/BYT-CCHN	Chuyên khoa Xét nghiệm Hóa sinh	Bác sĩ điều trị - Trưởng Khoa Hóa sinh và Miễn dịch
131	Phan Thị Minh Phương	0007524/BYT-CCHN	Chuyên khoa Xét nghiệm	Bác sĩ điều trị - Phó Trưởng Khoa Hóa sinh và Miễn dịch
132	Phan Thị Minh Tâm	007557/BYT-CCHN	Chuyên khoa Xét nghiệm	Bác sĩ điều trị - Phó Trưởng Khoa Hóa sinh và Miễn dịch
133	Nguyễn Thị Huyền	038156/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Xét nghiệm	Bác sĩ điều trị
134	Ngô Viết Quỳnh Trâm	0007681/BYT-CCHN	Chuyên khoa Xét nghiệm Vi sinh	Bác sĩ điều trị - Trưởng Khoa Vi sinh
135	Lê Thị Bảo Chi	0023257/BYT-CCHN	Chuyên khoa Xét nghiệm Vi sinh	Bác sĩ điều trị - Phó Trưởng Khoa Vi sinh
136	Nguyễn Thị Châu Anh	0007680/BYT-CCHN	Chuyên khoa Xét nghiệm Vi sinh	Bác sĩ điều trị
137	Nguyễn Thị Khánh Linh	048026/BYT-CCHN	Chuyên khoa Nội, mở rộng phạm vi Xét nghiệm Vi sinh	Bác sĩ điều trị
138	Mai Bá Hoàng Anh	0023334/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa da liễu	Bác sĩ điều trị - Trưởng Phòng khám Da liễu
139	Hà Chân Nhân	0007677/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Chuyên khoa Vật lý trị liệu, Phục hồi chức năng	Bác sĩ điều trị - Trưởng Khoa Phục hồi chức năng
140	Trần Thị Quỳnh Trang	0007675/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Chuyên khoa Vật lý trị liệu, Phục hồi chức năng	Bác sĩ điều trị - Phó Trưởng Khoa Phục hồi chức năng
141	Nguyễn-Phước Minh Tâm	031166/BYT-CCHN	Chuyên khoa Vật lý trị liệu-phục hồi chức năng	Bác sĩ điều trị
142	Tôn Thất Minh Đạt	0007635/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Chuyên khoa Vật lý trị liệu, Phục hồi chức năng	Bác sĩ điều trị
143	Nguyễn Thị Vân Kiều	031005/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Chuyên khoa Vật lý trị liệu, Phục hồi chức năng	Bác sĩ điều trị

TT	Họ và tên	Số CCHN	Phạm vi hành nghề	Vị trí chuyên môn
144	Đặng Thị Thu Hằng	043395/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Chuyên khoa Vật lý trị liệu, Phục hồi chức năng	Bác sĩ điều trị
145	Nguyễn Thị Trà My	0023329/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa da liễu	Bác sĩ điều trị
146	Trần Như Minh Hằng	0007398/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Tâm thần	Bác sĩ điều trị
147	Nguyễn Quang Ngọc Linh	034161/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Tâm thần	Bác sĩ điều trị
148	Trần Thị Trà My	0024866/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Tâm thần	Bác sĩ điều trị
149	Võ Thị Hân	0025140/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Tâm thần	Bác sĩ điều trị
150	Lê Trần Tuấn Anh	041602/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội	Bác sĩ điều trị
151	Đoàn Văn Minh	031358/BYT-CCHN	Khám chữa bệnh bằng y học cổ truyền, kết hợp chuyên khoa Nội tổng hợp	Bác sĩ điều trị - Trưởng Phòng khám Y học cổ truyền
152	Nguyễn Văn Hưng	031390/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng y học cổ truyền	Bác sĩ điều trị - Phó Trưởng Phòng khám Y học cổ truyền
153	Nguyễn Thị Tân	0007152/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng y học cổ truyền	Bác sĩ điều trị
154	Phạm Thị Xuân Mai	0020742/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng y học cổ truyền	Bác sĩ điều trị
155	Nguyễn Thị Hương Lam	031391/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng y học cổ truyền	Bác sĩ điều trị
156	Nguyễn Ngọc Lê	031392/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng y học cổ truyền	Bác sĩ điều trị
157	Nguyễn Thiện Phước	033103/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng y học cổ truyền	Bác sĩ điều trị
158	Lê Thị Thu Thảo	033278/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng y học cổ truyền	Bác sĩ điều trị
159	Nguyễn Viết Phương Nguyên	033279/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng y học cổ truyền	Bác sĩ điều trị
160	Nguyễn Thị Kim Liên	033486/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng y học cổ truyền	Bác sĩ điều trị
161	Nguyễn Quang Tâm	033485/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng y học cổ truyền	Bác sĩ điều trị
162	Lê Thị Minh Thảo	033487/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng y học cổ truyền	Bác sĩ điều trị

II. DANH SÁCH ĐIỀU DƯỠNG, HỘ SINH

1	Phan Văn Lợi	030995/BYT-CCHN	Thực hiện phạm vi HĐCM theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	Điều dưỡng - Điều dưỡng trưởng rung tâm Cấp cứu Đa khoa và Đột quỵ

TT	Họ và tên	Số CCHN	Phạm vi hành nghề	Vị trí chuyên môn
2	Hồ Tấn Huy	035726/BYT-CCHN	Thực hiện phạm vi HĐCM theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	Điều dưỡng
3	Võ Thị Hương	043404/BYT-CCHN	Thực hiện phạm vi HĐCM theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	Điều dưỡng
4	Huỳnh Thị Ngọc Diệp	0007691/BYT-CCHN	Quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ - BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng.	Điều dưỡng trưởng Khoa Nội Tim mạch
5	Phạm Tuấn Hiệp	0007711/BYT-CCHN	Quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ - BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng.	Điều dưỡng trưởng DSA
6	Đoàn Thị Hồng Châu	0007748/BYT-CCHN	Quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ - BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng.	Điều dưỡng
7	Huỳnh Thị Quý Xuân	039942/BYT-CCHN	Thực hiện phạm vi HĐCM theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	Điều dưỡng
8	Cao Thị Minh Tâm	035730/BYT-CCHN	Thực hiện phạm vi HĐCM theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	Điều dưỡng

TT	Họ và tên	Số CCHN	Phạm vi hành nghề	Vị trí chuyên môn
9	Võ Thị Thắm	044048/BYT-CCHN	Thực hiện phạm vi HĐCM theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	Điều dưỡng
10	Trần Thị Mộng Lanh	0007693/BYT-CCHN	Quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ - BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng.	Điều dưỡng
11	Nguyễn Thị Tơ	0007752/BYT-CCHN	Quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ - BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng.	Điều dưỡng - Điều dưỡng trưởng Nội TH-NT-CXK
12	Trịnh Duy Thanh Hằng	035725/BYT-CCHN	Thực hiện phạm vi HĐCM theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	Điều dưỡng
13	Nguyễn Thị Nhuận	044049/BYT-CCHN	Thực hiện phạm vi HĐCM theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	Điều dưỡng
14	Mai Thị Bé	044054/BYT-CCHN	Thực hiện phạm vi HĐCM theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	Điều dưỡng
15	Nguyễn Khoa Thị Hải	0007727/BYT-CCHN	Quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ - BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng.	Điều dưỡng

TT	Họ và tên	Số CCHN	Phạm vi hành nghề	Vị trí chuyên môn
16	Nguyễn Thị Ngọc Minh	031083/BYT-CCHN	Thực hiện phạm vi HĐCM theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	Điều dưỡng - Điều dưỡng trưởng Khoa Ngoại Tiết niệu-Thần kinh
17	Nguyễn Thị Thiên Nga	039941/BYT-CCHN	Thực hiện phạm vi HĐCM theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	Điều dưỡng
18	Hồ Thị Ngọc Sương	031131/BYT-CCHN	Thực hiện phạm vi HĐCM theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	Điều dưỡng
19	Nguyễn Thị Mỹ Nhung	031008/BYT-CCHN	Thực hiện phạm vi HĐCM theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	Điều dưỡng
20	Mai Thị Ánh Nguyệt	035728/BYT-CCHN	Thực hiện phạm vi HĐCM theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	Điều dưỡng
21	Đào Thị Minh Hà	0007751/BYT-CCHN	Quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ - BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc	Điều dưỡng - Điều dưỡng trưởng
22	Lê Thị Lệ Hằng	0007773/BYT-CCHN	Quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ - BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng.	Điều dưỡng
23	Lê Thị Bích Uyên	040820/BYT-CCHN	Thực hiện phạm vi HĐCM theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	Điều dưỡng

TT	Họ và tên	Số CCHN	Phạm vi hành nghề	Vị trí chuyên môn
24	Bùi Quốc Đạt	0007759/BYT-CCHN	Quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ - BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng.	Điều dưỡng
25	Nguyễn Thị Thành	0007764/BYT-CCHN	Quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ - BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng.	Điều dưỡng - Điều dưỡng trưởng
26	Ngô Thị Quỳnh Nhi	039957/BYT-CCHN	Thực hiện phạm vi HĐCM theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	Điều dưỡng
27	Nguyễn Lê Bảo Khánh	039944/BYT-CCHN	Thực hiện phạm vi HĐCM theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	Điều dưỡng
28	Trần Thúy Hiệp	0007760/BYT-CCHN	Quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ - BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng.	Điều dưỡng
29	Võ Lê Hồng Loan	0007761/BYT-CCHN	Quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ - BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng.	Điều dưỡng
30	Nguyễn Thị Thúy Lan	0007785/BYT-CCHN	Quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ - BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng.	Hộ sinh - Hộ sinh trưởng Khoa Phụ sản

TT	Họ và tên	Số CCHN	Phạm vi hành nghề	Vị trí chuyên môn
31	Lê Thị Xuân	0007822/BYT-CCHN	Quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ - BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng.	Hộ sinh
32	Nguyễn Thị Minh Nga	0007846/BYT-CCHN	Quy định tại Thông tư số 12/2011/TT – BYT ngày 15/3/2011 của Bộ Y tế Quy định tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức hộ sinh.	Hộ sinh
33	Nguyễn Thị Duyên	0007844/BYT-CCHN	Quy định tại Thông tư số 12/2011/TT – BYT ngày 15/3/2011 của Bộ Y tế Quy định tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức hộ sinh.	Hộ sinh
34	Nguyễn Thị Hè	0007842/BYT-CCHN	Quy định tại Thông tư số 12/2011/TT – BYT ngày 15/3/2011 của Bộ Y tế Quy định tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức hộ sinh.	Hộ sinh
35	Trần Ngọc Diễm Thúy	0007825/BYT-CCHN	Quy định tại Thông tư số 12/2011/TT – BYT ngày 15/3/2011 của Bộ Y tế Quy định tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức hộ sinh.	Hộ sinh
36	Phan Thị Xuân Thu	0007838/BYT-CCHN	Quy định tại Thông tư số 12/2011/TT – BYT ngày 15/3/2011 của Bộ Y tế Quy định tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức hộ sinh.	Hộ sinh
37	Đặng Hồng Dược Thảo	0007839/BYT-CCHN	Quy định tại Thông tư số 12/2011/TT – BYT ngày 15/3/2011 của Bộ Y tế Quy định tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức hộ sinh.	Hộ sinh
38	Hoàng Thị Thanh Xuân	0007840/BYT-CCHN	Quy định tại Thông tư số 12/2011/TT – BYT ngày 15/3/2011 của Bộ Y tế Quy định tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức hộ sinh.	Hộ sinh
39	Dương Thị Quỳnh Trâm	0007758/BYT-CCHN	Quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ - BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng.	Điều dưỡng - Điều dưỡng trưởng Khoa Nhi tổng hợp

TT	Họ và tên	Số CCHN	Phạm vi hành nghề	Vị trí chuyên môn
40	Nguyễn Thị Kim Liên	31124/BYT-CCHN	Quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ - BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng.	Điều dưỡng
41	Nguyễn Thị Nga	0007723/BYT-CCHN	Quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ - BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng.	Điều dưỡng - Điều dưỡng trưởng Khoa Tai mũi họng-Mắt-Răng hàm mặt
42	Trương Thị Ngân	039958/BYT-CCHN	Thực hiện phạm vi HĐCM theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	Điều dưỡng
43	Phạm Thị Hoài Phương	0007722/BYT-CCHN	Quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ - BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng.	Điều dưỡng
44	Đỗ Thị Thương	0007719/BYT-CCHN	Quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ - BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng.	Điều dưỡng
45	Nguyễn Thị Thúy Ái	0007720/BYT-CCHN	Quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ - BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng.	Điều dưỡng
46	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	0007769/BYT-CCHN	Quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ - BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng.	Điều dưỡng

TT	Họ và tên	Số CCHN	Phạm vi hành nghề	Vị trí chuyên môn
47	Hồ Thị Nguyệt Hằng	0007745/BYT-CCHN	Quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ - BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng.	Điều dưỡng - Điều dưỡng trưởng Khoa Ung bướu
48	Nguyễn Thị Luyến	039939/BYT-CCHN	Thực hiện phạm vi HĐCM theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	Điều dưỡng
49	Trương Thị Thanh	0007746/BYT-CCHN	Quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ - BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng.	Điều dưỡng
50	Tạ Thị Mỹ	030981/BYT-CCHN	Thực hiện phạm vi HĐCM theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	Điều dưỡng - Điều dưỡng trưởng Gây mê - Hồi sức - Cấp cứu - Chống độc
51	Hồ Thị Ny	038778/BYT-CCHN	Thực hiện phạm vi HĐCM theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	Điều dưỡng
52	Trần Quốc Dĩnh	0007789/BYT-CCHN	Quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ - BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng.	Điều dưỡng
53	Trần Viết Anh	0007688/BYT-CCHN	Chuyên khoa Gây mê hồi sức	Điều dưỡng
54	Nguyễn Thị Thoại	0007736/BYT-CCHN	Quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ - BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng.	Điều dưỡng

TT	Họ và tên	Số CCHN	Phạm vi hành nghề	Vị trí chuyên môn
55	Hồ Thị Thùy Trang	044051/BYT-CCHN	Thực hiện phạm vi HĐCM theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	Điều dưỡng
56	Lê Tấn Thành	0007787/BYT-CCHN	Quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ - BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng.	Điều dưỡng
57	Phan Thị Bích Ngọc	0007741/BYT-CCHN	Quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ - BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng.	Điều dưỡng
58	Trương Thị Thái	0007738/BYT-CCHN	Quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ - BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng.	Điều dưỡng
59	Lê Khắc Phương Chi	0007783/BYT-CCHN	Quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ - BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng.	Điều dưỡng
60	Lê Đình Tới	0007788/BYT-CCHN	Quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ - BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng.	Điều dưỡng
61	Hồ Khả Thành Tín	0007784/BYT-CCHN	Quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ - BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng.	Điều dưỡng

TT	Họ và tên	Số CCHN	Phạm vi hành nghề	Vị trí chuyên môn
62	Trương Thị Huyền	0007735/BYT-CCHN	Quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ - BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng.	Điều dưỡng - Điều dưỡng trưởng ICU
63	Đỗ Minh Trí	0007689/BYT-CCHN	Quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ - BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng.	Điều dưỡng
64	Nguyễn Thị Thu Trang	048282/BYT-CCHN	Thực hiện phạm vi HĐCM theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	Điều dưỡng
65	Dương Thị Hồng Liên	0007762/BYT-CCHN	Quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ - BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng.	Điều dưỡng - Trưởng Phòng Điều dưỡng
66	Nguyễn Thị Phương Thảo	0007706/BYT-CCHN	Quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ - BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng.	Điều dưỡng
67	Trương Thị Hân	047471/BYT-CCHN	Thực hiện phạm vi HĐCM theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	Điều dưỡng

III. DANH SÁCH KỸ THUẬT Y

1	Đặng Bá Quỳnh	0007797/BYT-CCHN	Chuyên khoa Vật lý trị liệu-phục hồi chức năng	Kỹ thuật viên - Kỹ thuật viên trưởng Phục hồi chức năng
2	Hồ Thị Thu Uyên	004870/TTH-CCHN	Kỹ thuật viên Phục hồi chức năng	Kỹ thuật viên
3	Lê Thị Kim Huệ	048011/BYT-CCHN	Kỹ thuật viên Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng	Kỹ thuật viên
4	Đặng Quang Hùng	038167/BYT-CCHN	Chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh	Kỹ thuật viên - Kỹ thuật viên trưởng Chẩn đoán hình ảnh

TT	Họ và tên	Số CCHN	Phạm vi hành nghề	Vị trí chuyên môn
5	Nguyễn Thảo Vân	035739/BYT-CCHN	Chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh	Kỹ thuật viên
6	Trần Thanh Tuấn	0007794/BYT-CCHN	Chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh	Kỹ thuật viên
7	Lê Hoàng Huy	037405/BYT-CCHN	Chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh	Kỹ thuật viên
8	Trần Văn Hưng	037402/BYT-CCHN	Chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh	Kỹ thuật viên
9	Hoàng Văn Thuyết	039948/BYT-CCHN	Chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh	Kỹ thuật viên
10	Tôn Thất Nam Anh	037410/BYT-CCHN	Chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh	Kỹ thuật viên
11	Trần Thị Minh Ngọc	044062/BYT-CCHN	Chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh	Kỹ thuật viên
12	Phạm Thanh Tường	0007860/BYT-CCHN	Chuyên khoa Xét nghiệm	Kỹ thuật viên - Kỹ thuật viên trưởng Huyết học-Truyền máu
13	Lê Quốc Đạt	031179/BYT-CCHN	Chuyên khoa Xét nghiệm	Kỹ thuật viên
14	Hoàng Thị Hồng Nhung	0007809/BYT-CCHN	Chuyên khoa Xét nghiệm	Kỹ thuật viên - Kỹ thuật viên trưởng Khoa Hóa Sinh và Miễn dịch
15	Nguyễn Thị Hồng Thuỳ	0007867/BYT-CCHN	Chuyên khoa Xét nghiệm	Kỹ thuật viên
16	Trần Thị Bích Ngọc	030544/BYT-CCHN	Kỹ thuật viên xét nghiệm	Kỹ thuật viên
17	Trương Thị Bích Phương	030985/BYT-CCHN	Kỹ thuật viên xét nghiệm	Kỹ thuật viên
18	Đặng Ngọc Phước	030980/BYT-CCHN	Chuyên khoa Xét nghiệm	Kỹ thuật viên
19	Nguyễn Hoài Nam	0007807/BYT-CCHN	Chuyên khoa Xét nghiệm	Kỹ thuật viên
20	Trần Hữu Bina	0007806/BYT-CCHN	Chuyên khoa Xét nghiệm	Kỹ thuật viên
21	Lê Nữ Xuân Thanh	0007813/BYT-CCHN	Chuyên khoa Xét nghiệm	Kỹ thuật viên - Kỹ thuật viên trưởng Khoa Vi sinh
22	Nguyễn Hoàng Bách	035997/BYT-CCHN	Chuyên khoa Xét nghiệm Vi sinh và miễn dịch	Kỹ thuật viên
23	Phan Văn Bảo Thắng	0007795/BYT-CCHN	Chuyên khoa Xét nghiệm	Kỹ thuật viên
24	Nguyễn Thị Tuyền	031176/BYT-CCHN	Chuyên khoa Xét nghiệm	Kỹ thuật viên
25	Ung Thị Thủy	035736/BYT-CCHN	Chuyên khoa Xét nghiệm	Kỹ thuật viên
26	Nguyễn Thị Đăng Khoa	031175/BYT-CCHN	Chuyên khoa Xét nghiệm	Kỹ thuật viên
27	Dương Thị Ngọc Mai	0002134/QT-CCHN	Chuyên khoa Xét nghiệm	Kỹ thuật viên

Danh sách gồm 256 người hướng dẫn thực hành./.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y - DƯỢC, ĐẠI HỌC HUẾ
BỆNH VIỆN TRƯỜNG ĐH Y-DƯỢC HUẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH THỰC HÀNH KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH ĐỐI VỚI CHỨC DANH BÁC SĨ Y KHOA

(Đính kèm Bản công bố Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành số: 675 /BCB-BVYD ngày 10 tháng 4 năm 2025 của Bệnh viện Trường Đại học Y - Dược Huế)

1. Mục tiêu khóa học

- Nắm vững các quy chế chuyên môn, quy chế cấp cứu, chẩn đoán và làm hồ sơ bệnh án, quy chế sử dụng thuốc, quy chế hội chẩn, quy chế kê đơn thuốc trong điều trị ngoại trú và nội trú, quy chế an toàn chuyển viện....
- Hiểu và áp dụng các quy định về Bảo hiểm y tế
- Hiểu rõ nội dung các văn bản pháp lý liên quan đến công tác hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.
- Đảm bảo an toàn người bệnh và phòng ngừa sự cố y khoa; Kiểm soát nhiễm khuẩn;
- Cung cấp kiến thức cơ bản về chuyên ngành Hồi sức cấp cứu cho các bác sĩ đa khoa
- Tiếp cận chẩn đoán và xử trí được các bệnh lý cấp cứu thường gặp
- Thực hiện được các kỹ thuật thuộc chuyên ngành Hồi sức cấp cứu
- Trình bày được cách xác định hoặc chẩn đoán các cấp cứu thường gặp tại khoa cấp cứu.
- Trình bày được các biện pháp xử trí cấp cứu các cấp cứu thường gặp tại khoa cấp cứu.
- Chẩn đoán và xử trí được một số cấp cứu thường gặp trong khoa cấp cứu
- Thực hiện thuần thục một số thủ thuật cấp cứu thường gặp nhất.
- Thực hiện khám và chữa bệnh dưới sự giám sát của giáo viên hướng dẫn thực hành trong phạm vi hành nghề được quy định của Bộ y tế.
- Rèn luyện tác phong tích cực, khẩn trương, cẩn thận và tinh thần trách nhiệm trong khám và điều trị bệnh nhân.
- Rèn luyện văn hóa ứng xử khi tiếp xúc với bệnh nhân nặng
- Mô tả được cách thực hiện thủ thuật – phẫu thuật theo từng bước
- Thực hành được các thao tác quy trình thủ thuật – phẫu thuật trên bệnh nhân
- Khám, phát hiện, điều trị được các bệnh lý thường gặp.
- Phân tích được một số trường hợp lâm sàng: triệu chứng, chẩn đoán, điều trị và tiên lượng.
- Giáo dục, tư vấn được cho bệnh nhân và người nhà cách phòng ngừa, cách chăm sóc, hỗ trợ điều trị và phát hiện sớm những dấu hiệu khởi phát và tái phát của các bệnh thường gặp.

- Sau khi hoàn thành thời gian học tập tại khoa học viên có những kiến thức và kỹ năng về chẩn đoán, chăm sóc và xử trí một số vấn đề lâm sàng thường gặp

2. Thời lượng đào tạo

- Thời gian đào tạo trong 12 tháng
- Tổng số tiết đào tạo quy đổi: 2050 tiết
  - Lý thuyết: 500
  - Thực hành: 1500
  - Ôn tập, tự học, kiểm tra đánh giá: 50

3. Nội dung đào tạo:

STT	Nội dung	Số tiết
I. Kiến thức chung		
1	Giới thiệu tổ chức, quy chế chuyên môn, quy định của bệnh viện về tổ chức đào tạo; Quy định một số điều của Luật khám chữa bệnh liên quan, an toàn người bệnh, chính sách bảo hiểm y tế; Kỹ năng giao tiếp, tư vấn, giáo dục sức khoẻ trong chăm sóc người bệnh	100
II. Thực hành KB, CB về Hồi sức Cấp cứu		
1. Khoa Gây mê Hồi sức - Cấp cứu - Chống độc		
2	Tiếp cận bệnh nhân cấp cứu	30
3	Tiếp cận cấp cứu bệnh nhân chấn thương	30
4	Chẩn đoán và xử trí suy hô hấp	30
5	Chẩn đoán và điều trị sốc nhiễm khuẩn	30
6	Chẩn đoán và xử trí hôn mê	30
7	Tiếp cận và xử trí co giật	20
8	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp	40
9	Cấp cứu phản vệ	30
10	Cấp cứu dị vật đường thở	20
11	Rối loạn nước và điện giải	20
12	Chẩn đoán và điều trị: Ong đốt, Điện giật, Ngạt nước	30
13	Chẩn đoán và điều trị rắn cắn	20
14	Nguyên tắc xử trí ngộ độc cấp	30
15	Kỹ thuật kiểm soát đường thở	40
16	Đặt đường truyền tĩnh mạch và theo dõi bệnh nhân nặng	40
17	Chỉ định và các mode thở cơ bản trong thông khí nhân tạo	40
2. Trung tâm Cấp cứu Đa khoa và Đột quỵ		
18	Nhận định và kiểm soát ban đầu bệnh nhân cấp cứu: các nguyên lý cơ bản	24
19	Các kỹ thuật kiểm soát đường thở	24
20	Tiếp cận và xử trí đột quỵ cấp	24
21	Tiếp cận và xử trí cơn co giật cấp	24
22	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp cơ bản	24
23	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp nâng cao	24
24	Chẩn đoán và xử trí cấp cứu nhồi máu cơ tim cấp có ST chênh	24

	lên	
25	Cấp cứu chấn thương sọ não	24
26	Cấp cứu chấn thương cột sống	24
27	Cấp cứu chấn thương ngực	24
28	Cấp cứu chấn thương bụng	24
29	Cấp cứu bệnh nhân bỏng	24
30	Tiếp cận và xử trí bệnh nhân đau bụng cấp	24
31	Tiếp cận và xử trí bệnh nhân nôn ra máu	24
32	Tiếp cận và xử trí bệnh nhân ngộ độc cấp	24
33	Tiếp cận và xử trí bệnh nhân sốc	24
34	Tiếp cận và xử trí bệnh nhân Ngất	24
35	Kỹ thuật xử trí vết thương xuyên thấu	24
36	Kỹ thuật bất động xương gẫy và cột sống	12
37	Kỹ thuật vận chuyển bệnh nhân cấp cứu	12
38	Cấp cứu động vật cắn	12
39	Cấp cứu chấn thương xương, mô mềm và chi thể đứt rời	12
Thủ thuật		
40	Thở oxy	
41	Bóp bóng Ambu qua mặt nạ	
42	Kỹ thuật phun khí dung	
43	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp	
44	Đặt nội khí quản	
45	Sốc điện ngoài lồng ngực cấp cứu	
46	Bất động cột sống cổ bằng nẹp cứng	
47	Băng ép, garo cầm máu .Cố định tạm thời người bệnh gãy xương	
48	Vận chuyển người bệnh an toàn	
49	Đặt catheter tĩnh mạch	
50	Ghi điện tim cấp cứu tại giường	
51	Khâu vết thương phần mềm dài < 10 cm và > 10 cm	
52	Cắt lọc, khâu vết thương rách da đầu	
53	Băng bó vết thương	
54	Sơ cứu bỏng đường hô hấp	
55	Thủ thuật Heimlich (lấy dị vật đường thở)	
56	Đặt ống thông dạ dày	
57	Rửa dạ dày cấp cứu	
58	Thông tiểu	
59	Khám bệnh nhân bỏng, chẩn đoán diện tích và độ sâu bỏng bằng lâm sàng	
60	Xử lý tại chỗ kỳ đầu tổn thương bỏng	
61	Băng ép bất động sơ cứu rắn cắn	
III. Thực hành chuyên môn KB, CB		
1. Thực hành Khoa Nội tổng hợp - Nội tiết - Cơ xương khớp		
62	Chọc dịch tủy sống	36
63	Chọc tháo dịch màng phổi	35
64	Nhận định và xử trí basedow	35

65	Nhận định và xử trí shock nhiễm khuẩn	36
66	Nhận định và xử trí được cơn gút cấp	35
67	Xử trí cơn tăng glucose máu cấp	35
68	Chọc tháo dịch màng bụng	35
69	Nhận định và xử trí xuất huyết tiêu hoá cao	35
70	Nhận định và xử trí hội chứng thận hư mới/tái phát	35
71	Nhận định và xử trí bệnh nhân viêm khớp dạng thấp	35
2. Thực hành Trung tâm Tim mạch		
72	Tăng huyết áp	24
73	Tăng áp động mạch phổi	16
74	Bệnh động mạch vành	32
75	Thuyên tắc phổi và huyết khối tĩnh mạch sâu	24
76	Bệnh động mạch ngoại biên	24
77	Hẹp van động mạch chủ	8
78	Hở van động mạch chủ	8
79	Hẹp van hai lá	8
80	Hở van hai lá	8
81	Bệnh van ba lá	8
82	Bệnh van động mạch phổi	8
83	Bệnh cơ tim	16
84	Bệnh tim bẩm sinh	24
85	Bệnh tim và thai kỳ	16
86	Bệnh tim và phẫu thuật ngoài tim	16
87	Các rối loạn nhịp thường gặp	32
88	Suy tim	24
89	Các thuốc tim mạch thường dùng	24
3. Thực hành Khoa Ngoại Chấn thương chỉnh hình - Lồng ngực		
90	Tổng quan về điều trị gãy xương	20
91	Chẩn đoán và điều trị gãy xương chi trên	28
92	Chẩn đoán và điều trị gãy xương chi dưới	28
93	Chẩn đoán và xử trí gãy xương hở	20
94	Các loại bột và kỹ thuật nắn bó bột	28
95	Tổng quan về điều trị trật khớp, vết thương khớp	20
96	Nguyên tắc xử trí vết thương phần mềm	20
97	Chẩn đoán và xử trí vết thương bàn tay, nhiễm trùng bàn tay	28
98	Chẩn đoán và phân loại các dị tật bẩm sinh hệ vận động	20
99	Chẩn đoán và nguyên tắc xử trí các khối u phần mềm	20
100	Chẩn đoán và nguyên tắc xử trí các u xương	20
101	Y học thể thao: chấn thương khớp vai, gối, cổ tay, cổ chân.	20
102	Chẩn đoán và điều trị vết thương nhiễm trùng	28
103	Chẩn đoán và nguyên tắc xử trí viêm xương tủy xương	20
4. Thực hành Khoa Ngoại Tiết niệu - Thần kinh		
104	Chẩn đoán và điều trị sỏi thận	40

105	Chẩn đoán và điều trị u bàng quang, u đường niệu	32
106	Chẩn đoán và điều trị tăng sinh lành tính tuyến tiền liệt	32
107	Chẩn đoán và điều trị sỏi niệu quản, bàng quang	32
108	Chẩn đoán và điều trị u thận, tuyến thượng thận	32
109	Chẩn đoán và điều trị các bệnh lý bẩm sinh hệ tiết niệu	32
110	Chẩn đoán và điều trị chấn thương cột sống	40
111	Chẩn đoán và điều trị thoát vị đĩa đệm, trượt đốt sống	40
112	Chẩn đoán và xử trí bệnh nhân chấn thương sọ não	40
5. Thực hành Khoa Ngoại Tiêu hóa		
113	Ruột thừa viêm cấp	20
114	Thủng ổ loét dạ dày tá tràng	20
115	Sỏi ống mật chủ	20
116	Áp xe gan	20
117	Thoát vị bẹn – Thoát vị đùi	20
118	Tắc ruột	28
119	Xuất huyết tiêu hóa	20
120	Chấn thương bụng kín – Vết thương thấu bụng	20
121	Ung thư gan	28
122	Ung thư thực quản	28
123	Ung thư dạ dày	28
124	Ung thư đại trực tràng	28
125	Lồng ruột cấp ở trẻ bú mẹ	20
126	Phình đại tràng bẩm sinh (Bệnh Hirschsprung)	20
6. Thực hành Khoa Phụ sản		
127	Khám thai quý I của thai kỳ	12
128	Khám thai quý II và quý III của thai kỳ	12
129	Kỹ thuật đo khung chậu nữ	12
130	Các bước tư vấn và phát hiện thai nghén nguy cơ cao	12
131	Chẩn đoán và xử trí sản giật	12
132	Phát hiện và xử trí sa dây rốn	12
133	Xử trí ngôi mông	12
134	Kỹ thuật và cách đọc kết quả Monitoring sản khoa	12
135	Kỹ thuật đẻ thường ngôi chỏm	12
136	Xử trí tích cực giai đoạn 3 của chuyển dạ	12
137	Xác định và xử trí băng huyết sau sinh	12
138	Bóc rau nhân tạo - Kiểm soát buồng tử cung	12
139	Cắt khâu tầng sinh môn	12
140	Kỹ thuật mổ lấy thai	12
141	Theo dõi và chăm sóc bà mẹ sau đẻ, sau mổ	12
142	Tư vấn nuôi con bằng sữa mẹ	12
143	Tư vấn kế hoạch hóa gia đình	12
144	Chăm sóc sơ sinh sau sinh	12
145	Hồi sức sơ sinh	12
146	Khám phụ khoa	12

147	Khám vú	12
148	Viêm nhiễm đường sinh dục nữ	12
149	Chẩn đoán và xử trí u xơ tử cung	12
150	Chẩn đoán và xử trí khối u phần phụ	12
151	Chẩn đoán và xử trí thai lạc chỗ	12
Thủ thuật		
152	Đỡ đẻ ngôi chỏm	
153	Cắt khâu tầng sinh môn	
154	Kiểm soát buồng tử cung	
155	Bấm ối	
156	Mổ lấy thai	
157	Khám phụ khoa	
158	Theo dõi nhịp tim thai và cơn go tử cung bằng máy Monitoring sản khoa	
7. Thực hành Khoa Nhi tổng hợp		
159	Cách làm bệnh án nhi khoa và lọc bệnh cấp cứu	4
160	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp ở trẻ em	4
161	Tiếp cận trẻ suy giảm tri giác	4
162	Khám hệ hô hấp trẻ em	4
163	Khám, chẩn đoán và điều trị viêm phổi trẻ em	4
164	Khám, chẩn đoán, điều trị và theo dõi hen phế quản trẻ em	4
165	Sử dụng thuốc theo đường hít và khí dung ở trẻ bị hen phế quản	4
166	Kỹ năng khám tim mạch và cách đọc X-quang tim bẩm sinh ở trẻ em	4
167	Cách đọc điện tâm đồ ở trẻ em	
168	Tiếp cận bệnh tim bẩm sinh nặng ở trẻ sơ sinh	4
169	Tiếp cận bệnh nhân bị thấp tim	4
170	Tiếp cận đau ngực ở trẻ em	4
171	Tiếp cận trẻ đau bụng và trẻ nôn	4
172	Tiếp cận trẻ tiêu chảy	4
173	Tiếp cận trẻ táo bón	4
174	Tiếp cận trẻ xuất huyết tiêu hóa	4
175	Khám và phát hiện một số bệnh truyền nhiễm thường gặp ở trẻ em	4
176	Khám thần kinh trẻ em	4
177	Tiếp cận chẩn đoán co giật ở trẻ em	4
178	Khám, chẩn đoán, điều trị và theo dõi bệnh động kinh trẻ em	4
179	Tiếp cận trẻ tiểu máu và khám phù thận ở trẻ em	4
180	Khám, chẩn đoán và xử trí trẻ dậy thì sớm	4
181	Khám, chẩn đoán và điều trị các bệnh lý tuyến giáp như suy giáp, cường giáp ở trẻ em	4
182	Thăm khám lâm sàng và định hướng chẩn đoán một số hội chứng nội tiết – di truyền thường gặp	4
183	Tiếp cận trẻ thiếu máu	4
184	Khám và phân loại trẻ sơ sinh	4
185	Hồi sức sơ sinh trong phòng sinh	4

186	Tiếp cận chẩn đoán và xử trí nhiễm trùng sơ sinh	4
187	Tiếp cận suy hô hấp sơ sinh	4
188	Tiếp cận chẩn đoán và xử trí vàng da tăng bilirubin gián tiếp ở trẻ sơ sinh	4
8. Thực hành Khoa Tai Mũi Họng - Mắt - Răng Hàm Mặt		
189	Viêm tai giữa cấp và mạn tính	2
190	Viêm mũi xoang cấp và mạn tính	2
191	Viêm họng	2
192	Viêm amidan và viêm V.A	2
193	Khám và làm bệnh án Tai Mũi Họng	8
194	Các thuốc thường dùng trong chuyên khoa TMH	4
195	X quang trong TMH	4
196	Thủ thuật điều trị ngoại trú về Tai	4
197	Thủ thuật điều trị ngoại trú về Mũi xoang	4
198	Thủ thuật điều trị ngoại trú về Họng Thanh quản	4
199	Theo dõi bệnh nhân sau phẫu thuật cắt amidan, nạo VA	4
200	Giải phẫu sinh lý mắt	6
201	Tật khúc xạ	8
202	Bỏng mắt – Chấn thương mắt	8
203	Bệnh học kết mạc - giác mạc	8
204	Bệnh học hốc mắt – phần phụ	8
205	Bệnh học glocom	4
206	Bệnh học viêm màng bồ đào	4
207	Bệnh học đục thể thủy tinh	4
208	Bệnh học võng mạc	4
209	Kỹ năng khám mắt và một số thủ thuật mắt	10
210	Sơ cứu gãy xương vùng hàm mặt	8
211	Điều trị vết thương phần mềm vùng hàm mặt không thiếu hổng tổ chức	8
212	Phẫu thuật rạch dẫn lưu áp xe nông vùng hàm mặt	8
213	Nắn sai khớp thái dương hàm	8
214	Phẫu thuật lấy dị vật vùng hàm mặt	8
215	Phẫu thuật gãy gò má cung tiếp bằng nẹp vít	8
216	Phẫu thuật gãy hàm dưới bằng nẹp vít	8
9. Thực hành Khoa Ung bướu		
217	Đại cương ung thư	4
218	Dịch tễ học ung thư	4
219	Cơ chế bệnh sinh và diễn tiến ung thư	4
220	Nguyên nhân ung thư	4
221	Dự phòng ung thư	8
222	Chẩn đoán ung thư	32
223	Điều trị phẫu thuật trong ung thư	28
224	Liệu pháp toàn thân điều trị ung thư	28
225	Xạ trị trong ung thư	24

226	Điều trị chăm sóc giảm nhẹ	24
227	Đánh giá đáp ứng điều trị ung thư	12
10. Thực hành Phòng khám Y học cổ truyền		
228	Tiếp cận khám bệnh Y học cổ truyền	20
229	Tiếp cận các phương pháp châm cứu	20
230	Tiếp cận xoa bóp bấm huyệt theo YHCT	20
231	Tiếp cận bệnh lý cơ xương khớp theo YHCT	20
232	Tiếp cận bệnh lý thần kinh ngoại biên, thần kinh trung ương theo YHCT.	20
233	Tiếp cận bệnh lý nội tiết theo YHCT	20
234	Tiếp cận bệnh lý hô hấp theo YHCT	20
235	Tiếp cận bệnh lý các chuyên khoa khác theo YHCT	20
11. Thực hành Phòng khám Sức khỏe Tâm thần và liệu pháp tâm lý		
236	Các rối loạn tư duy	8
237	Các rối loạn cảm xúc	8
238	Các rối loạn cảm giác và tri giác	8
239	Các rối loạn trí tuệ	8
240	Các rối loạn hoạt động	8
241	Tâm thần phân liệt	16
242	Trầm cảm	16
243	Rối loạn lo âu lan toả	16
244	Các thuốc chống loạn thần	8
245	Các thuốc chống trầm cảm	8
246	Các thuốc chỉnh khí sắc	8
247	Các thuốc chống lo âu	8
248	Liệu pháp giải thích hợp lý	16
249	Thang đánh giá trầm cảm BECK	4
250	Thang đánh giá lo âu ZUNG	4
251	Tư vấn tâm lý cho người bệnh và gia đình	16
12. Thực hành Phòng khám Da liễu		
252	Cấu trúc và sinh lí da	8
253	Tổn thương cơ bản	32
254	Cách khám và làm bệnh án	40
255	Viêm da: viêm da cơ địa, viêm da tiếp xúc	40
256	Bệnh da nhiễm khuẩn: chốc, nhọt, viêm quầng	40
13. Thực hành Khoa Phục hồi chức năng		
257	Nguyên tắc thực hành Phục hồi chức năng và ứng dụng ICF vào chuyên ngành Phục hồi chức năng	20
258	Các phương thức điều trị vật lý	20
259	Vận động trị liệu	20
260	Hoạt động trị liệu	20
261	Ngôn ngữ trị liệu	20
262	Phục hồi chức năng cho bệnh nhân đột quỵ	20
263	Phục hồi chức năng cho bệnh nhân sau chấn thương	20
264	Phục hồi chức năng cho các bệnh lý cơ xương khớp thường gặp	20

Tổng số	2000

4. Thực hành

Học viên sẽ luân phiên thực hành tại 6 đơn vị thuộc Khối Hồi sức - Cấp cứu, Khối Nội, Ngoại, Sản, Nhi và các chuyên khoa khác trong thời gian 12 tháng.

STT	Khoa thực hành	Thời gian
Khối Hồi sức - Cấp cứu		
1	Khoa Gây Mê Hồi sức - Cấp cứu - Chống độc; Trung tâm cấp cứu đa khoa và Đột Quỵ	3 tháng
Khối Nội, Ngoại, Sản, Nhi		
2	Khoa Nội Tổng hợp - Nội tiết - Cơ Xương Khớp	2 tháng
3	Khoa Nội Tim Mạch	
4	Khoa Ngoại Chấn thương chỉnh hình – Lồng ngực	2 tháng
5	Khoa Ngoại Tiết Niệu - Thần Kinh	
6	Khoa Ngoại Tiêu Hoá	
7	Khoa Phụ sản	2 tháng
8	Khoa Nhi	2 tháng
Chuyên khoa khác ((HV chọn 1 trong các chuyên khoa)		
9	Khoa Tai Mũi họng - Mắt - Răng Hàm Mặt	1 tháng
10	Khoa Ung Bướu	
11	Phòng khám Y học cổ truyền	
12	Phòng khám Sức khỏe Tâm thần và liệu pháp tâm lý	
13	Phòng khám Da liễu	
14	Khoa Phục hồi chức năng	

5. Ôn tập tự học kiểm tra đánh giá

STT	Nội Dung	Thời gian (tiết)
1	Ôn tập	20
2	Kiểm tra và đánh giá	25
3	Hoàn chỉnh thủ tục, bế giảng khóa học	05
Tổng		**50**

6. Chỉ tiêu thực hành

6.1. Đối với người thực hành

- Học viên tham gia học tập, thực hành tất cả các nội dung trong chương trình đào tạo.
- Số lần thực hành mỗi kỹ năng, mức độ thành thạo theo quy định cụ thể của khoa.
- Hoàn thành 100% các nội dung thực hành tại khoa

6.2. Đối với người hướng dẫn thực hành

- Thực hiện đúng quy chế chuyên môn, nội quy bệnh viện và các quy định của Nhà nước.
- Có trách nhiệm hướng dẫn người thực hành thực hiện công tác khám, chữa bệnh

theo đúng quy chế Bệnh viện và quy định của pháp luật để đạt kết quả theo yêu cầu
- Bảo đảm an toàn cho người bệnh trong quá trình hướng dẫn thực hành.
- Hàng ngày dành 30 phút để hướng dẫn, trao đổi chuyên môn, nghiệp vụ và công việc khám chữa bệnh với người thực hành.
- Ngay sau khi kết thúc thời gian thực hành, người được phân công hướng dẫn có trách nhiệm đánh giá, nhận xét quá trình thực hành của người thực hành về các nội dung:
+ Thời gian thực hành.
+ Năng lực thực hành chuyên môn.
+ Đạo đức nghề nghiệp.
+ Ý thức, tổ chức kỷ luật trong thời gian thực hành.

6.3. Đối với khoa, phòng hướng dẫn thực hành

- Có trách nhiệm triển khai, theo dõi, giám sát, quản lý hoạt động hướng dẫn thực hành tại đơn vị mình.
- Phân công người hướng dẫn thực hành.
- Phân công nhiệm vụ, công việc cho người thực hành thực hiện công tác khám, chữa bệnh, chăm sóc người bệnh tại đơn vị mình.
- Xác nhận quá trình thực hành theo đúng quy định.

7. Đánh giá hoàn thành quá trình thực hành

- Học viên tham gia đầy đủ các giờ học lý thuyết, thực hành theo quy định.
- Điều kiện tham gia đánh giá: Tham gia 100% số tiết thực hành và tối thiểu 80% lý thuyết, các bài tập về ca bệnh
- Hình thức và nội dung đánh giá:
+ Chuyên cần: học viên tham dự đầy đủ các buổi học, nếu vắng quá 20% số giờ học sẽ không đủ điều kiện làm bài thi kết thúc khóa học.
- Học viên tham gia học tập, thực hành tất cả các nội dung trong chương trình đào tạo.
- Số lần thực hành mỗi kỹ năng, mức độ thành thạo theo quy định cụ thể của khoa

8. Xác nhận quá trình thực hành

- Học viên sau khi hoàn thành chương trình đào tạo có nhận xét bằng văn bản của người hướng dẫn thực hành đối với người thực hành được Giám đốc Bệnh viện Trường Đại học Y – Dược Huế cấp Giấy xác nhận quá trình thực hành theo quy định tại Nghị định 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y - DƯỢC, ĐẠI HỌC HUẾ
BỆNH VIỆN TRƯỜNG ĐH Y-DƯỢC HUẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH THỰC HÀNH KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH ĐỐI VỚI CHỨC DANH BÁC SĨ Y HỌC DỰ PHÒNG

(Đính kèm Bản công bố Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành số: 675 /BCB-BVYD ngày 10 tháng 4 năm 2025 của Bệnh viện Trường Đại học Y - Dược Huế)

1. Mục tiêu khóa học

- Nắm vững các quy chế chuyên môn, quy chế cấp cứu, chẩn đoán và làm hồ sơ bệnh án, quy chế sử dụng thuốc, quy chế hội chẩn, quy chế kê đơn thuốc trong điều trị ngoại trú và nội trú, quy chế an toàn chuyển viện….
- Hiểu và áp dụng các quy định về Bảo hiểm y tế;
- Hiểu rõ nội dung các văn bản pháp lý liên quan đến công tác hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.
- Đảm bảo an toàn người bệnh và phòng ngừa sự cố y khoa; Kiểm soát nhiễm khuẩn;
- Cung cấp kiến thức cơ bản về chuyên ngành Hồi sức cấp cứu cho các bác sĩ y học dự phòng.
- Tiếp cận chẩn đoán và xử trí được các bệnh lý cấp cứu thường gặp
- Thực hiện được các kỹ thuật thuộc chuyên ngành Hồi sức cấp cứu
- Trình bày được cách xác định hoặc chẩn đoán các cấp cứu thường gặp tại khoa cấp cứu.
- Trình bày được các biện pháp xử trí cấp cứu các cấp cứu thường gặp tại khoa cấp cứu.
- Chẩn đoán và xử trí được một số cấp cứu thường gặp trong khoa cấp cứu
- Thực hiện thuần thục một số thủ thuật cấp cứu thường gặp nhất.
- Thực hiện khám và chữa bệnh dưới sự giám sát của giáo viên hướng dẫn thực hành trong phạm vi hành nghề được quy định của Bộ y tế.
- Rèn luyện tác phong tích cực, khẩn trương, cẩn thận và tinh thần trách nhiệm trong khám và điều trị bệnh nhân.
- Rèn luyện văn hóa ứng xử khi tiếp xúc với bệnh nhân nặng
- Mô tả được cách thực hiện thủ thuật – phẫu thuật theo từng bước
- Thực hành được các thao tác quy trình thủ thuật – phẫu thuật trên bệnh nhân
- Khám, phát hiện, điều trị được các bệnh lý thường gặp.
- Phân tích được một số trường hợp lâm sàng: triệu chứng, chẩn đoán, điều trị và tiên lượng.

- Giáo dục, tư vấn được cho bệnh nhân và người nhà cách phòng ngừa, cách chăm sóc, hỗ trợ điều trị và phát hiện sớm những dấu hiệu khởi phát và tái phát của các bệnh thường gặp.
- Sau khi hoàn thành thời gian học tập tại khoa học viên có những kiến thức và kỹ năng về chẩn đoán, chăm sóc và xử trí một số vấn đề lâm sàng thường gặp

2. Thời lượng đào tạo

- Thời gian đào tạo trong 12 tháng
- Tổng số tiết đào tạo quy đổi: 2050 tiết
    - Lý thuyết: 500
    - Thực hành: 1500
    - Ôn tập, tự học, kiểm tra đánh giá: 50

3. Nội dung đào tạo:

STT	Nội dung	Số tiết
I. Kiến thức chung		
1	Giới thiệu tổ chức, quy chế chuyên môn, quy định của bệnh viện về tổ chức đào tạo; Quy định một số điều của Luật khám chữa bệnh liên quan, an toàn người bệnh, chính sách bảo hiểm y tế; Kỹ năng giao tiếp, tư vấn, giáo dục sức khoẻ trong chăm sóc người bệnh	100
II. Thực hành KB, CB về Hồi sức Cấp cứu		
1. Khoa Gây mê Hồi sức - Cấp cứu - Chống độc		
2	Tiếp cận bệnh nhân cấp cứu	30
3	Tiếp cận cấp cứu bệnh nhân chấn thương	30
4	Chẩn đoán và xử trí suy hô hấp	30
5	Chẩn đoán và điều trị sốc nhiễm khuẩn	30
6	Chẩn đoán và xử trí hôn mê	30
7	Tiếp cận và xử trí co giật	20
8	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp	40
9	Cấp cứu phản vệ	30
10	Cấp cứu dị vật đường thở	20
11	Rối loạn nước và điện giải	20
12	Chẩn đoán và điều trị: Ong đốt, Điện giật, Ngạt nước	30
13	Chẩn đoán và điều trị rắn cắn	20
14	Nguyên tắc xử trí ngộ độc cấp	30
15	Kỹ thuật kiểm soát đường thở	40
16	Đặt đường truyền tĩnh mạch và theo dõi bệnh nhân nặng	40
17	Chỉ định và các mode thở cơ bản trong thông khí nhân tạo	40
2. Trung tâm Cấp cứu Đa khoa và Đột quỵ		
18	Nhận định và kiểm soát ban đầu bệnh nhân cấp cứu: các nguyên lý cơ bản	24
19	Các kỹ thuật kiểm soát đường thở	24
20	Tiếp cận và xử trí đột quỵ cấp	24
21	Tiếp cận và xử trí cơn co giật cấp	24

22	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp cơ bản	24
23	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp nâng cao	24
24	Chẩn đoán và xử trí cấp cứu nhồi máu cơ tim cấp có ST chênh lên	24
25	Cấp cứu chấn thương sọ não	24
26	Cấp cứu chấn thương cột sống	24
27	Cấp cứu chấn thương ngực	24
28	Cấp cứu chấn thương bụng	24
29	Cấp cứu bệnh nhân bỏng	24
30	Tiếp cận và xử trí bệnh nhân đau bụng cấp	24
31	Tiếp cận và xử trí bệnh nhân nôn ra máu	24
32	Tiếp cận và xử trí bệnh nhân ngộ độc cấp	24
33	Tiếp cận và xử trí bệnh nhân sốc	24
34	Tiếp cận và xử trí bệnh nhân Ngất	24
35	Kỹ thuật xử trí vết thương xuyên thấu	24
36	Kỹ thuật bất động xương gẫy và cột sống	12
37	Kỹ thuật vận chuyển bệnh nhân cấp cứu	12
38	Cấp cứu động vật cắn	12
39	Cấp cứu chấn thương xương, mô mềm và chi thể đứt rời	12
Thủ thuật		
40	Thở oxy	
41	Bóp bóng Ambu qua mặt nạ	
42	Kỹ thuật phun khí dung	
43	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp	
44	Đặt nội khí quản	
45	Sốc điện ngoài lồng ngực cấp cứu	
46	Bất động cột sống cổ bằng nẹp cứng	
47	Băng ép, garo cầm máu .Cố định tạm thời người bệnh gãy xương	
48	Vận chuyển người bệnh an toàn	
49	Đặt catheter tĩnh mạch	
50	Ghi điện tim cấp cứu tại giường	
51	Khâu vết thương phần mềm dài < 10 cm và > 10 cm	
52	Cắt lọc, khâu vết thương rách da đầu	
53	Băng bó vết thương	
54	Sơ cứu bỏng đường hô hấp	
55	Thủ thuật Heimlich (lấy dị vật đường thở)	
56	Đặt ống thông dạ dày	
57	Rửa dạ dày cấp cứu	
58	Thông tiểu	
59	Khám bệnh nhân bỏng, chẩn đoán diện tích và độ sâu bỏng bằng lâm sàng	
60	Xử lý tại chỗ kỳ đầu tổn thương bỏng	
61	Băng ép bất động sơ cứu rắn cắn	
III. Thực hành chuyên môn KB, CB		
1. Thực hành Khoa Nội tổng hợp - Nội tiết - Cơ xương khớp		

62	Chọc dịch tủy sống	36
63	Chọc tháo dịch màng phổi	35
64	Nhận định và xử trí basedow	35
65	Nhận định và xử trí shock nhiễm khuẩn	36
66	Nhận định và xử trí được cơn gút cấp	35
67	Xử trí cơn tăng glucose máu cấp	35
68	Chọc tháo dịch màng bụng	35
69	Nhận định và xử trí xuất huyết tiêu hoá cao	35
70	Nhận định và xử trí hội chứng thận hư mới/tái phát	35
71	Nhận định và xử trí bệnh nhân viêm khớp dạng thấp	35
2. Thực hành Trung tâm Tim mạch		
72	Tăng huyết áp	24
73	Tăng áp động mạch phổi	16
74	Bệnh động mạch vành	32
75	Thuyên tắc phổi và huyết khối tĩnh mạch sâu	24
76	Bệnh động mạch ngoại biên	24
77	Hẹp van động mạch chủ	8
78	Hở van động mạch chủ	8
79	Hẹp van hai lá	8
80	Hở van hai lá	8
81	Bệnh van ba lá	8
82	Bệnh van động mạch phổi	8
83	Bệnh cơ tim	16
84	Bệnh tim bẩm sinh	24
85	Bệnh tim và thai kỳ	16
86	Bệnh tim và phẫu thuật ngoài tim	16
87	Các rối loạn nhịp thường gặp	32
88	Suy tim	24
89	Các thuốc tim mạch thường dùng	24
3. Thực hành Khoa Ngoại Chấn thương chỉnh hình - Lồng ngực		
90	Tổng quan về điều trị gãy xương	20
91	Chẩn đoán và điều trị gãy xương chi trên	28
92	Chẩn đoán và điều trị gãy xương chi dưới	28
93	Chẩn đoán và xử trí gãy xương hở	20
94	Các loại bột và kỹ thuật nắn bó bột	28
95	Tổng quan về điều trị trật khớp, vết thương khớp	20
96	Nguyên tắc xử trí vết thương phần mềm	20
97	Chẩn đoán và xử trí vết thương bàn tay, nhiễm trùng bàn tay	28
98	Chẩn đoán và phân loại các dị tật bẩm sinh hệ vận động	20
99	Chẩn đoán và nguyên tắc xử trí các khối u phần mềm	20
100	Chẩn đoán và nguyên tắc xử trí các u xương	20
101	Y học thể thao: chấn thương khớp vai, gối, cổ tay, cổ chân.	20
102	Chẩn đoán và điều trị vết thương nhiễm trùng	28
103	Chẩn đoán và nguyên tắc xử trí viêm xương tủy xương	20

4. Thực hành Khoa Ngoại Tiết niệu - Thần kinh		
104	Chẩn đoán và điều trị sỏi thận	40
105	Chẩn đoán và điều trị u bàng quang, u đường niệu	32
106	Chẩn đoán và điều trị tăng sinh lành tính tuyến tiền liệt	32
107	Chẩn đoán và điều trị sỏi niệu quản, bàng quang	32
108	Chẩn đoán và điều trị u thận, tuyến thượng thận	32
109	Chẩn đoán và điều trị các bệnh lý bẩm sinh hệ tiết niệu	32
110	Chẩn đoán và điều trị chấn thương cột sống	40
111	Chẩn đoán và điều trị thoát vị đĩa đệm, trượt đốt sống	40
112	Chẩn đoán và xử trí bệnh nhân chấn thương sọ não	40
5. Thực hành Khoa Ngoại Tiêu hóa		
113	Ruột thừa viêm cấp	20
114	Thủng ổ loét dạ dày tá tràng	20
115	Sỏi ống mật chủ	20
116	Áp xe gan	20
117	Thoát vị bẹn – Thoát vị đùi	20
118	Tắc ruột	28
119	Xuất huyết tiêu hóa	20
120	Chấn thương bụng kín – Vết thương thấu bụng	20
121	Ung thư gan	28
122	Ung thư thực quản	28
123	Ung thư dạ dày	28
124	Ung thư đại trực tràng	28
125	Lồng ruột cấp ở trẻ bú mẹ	20
126	Phình đại tràng bẩm sinh (Bệnh Hirschsprung)	20
6. Thực hành Khoa Phụ sản		
127	Khám thai quý I của thai kỳ	12
128	Khám thai quý II và quý III của thai kỳ	12
129	Kỹ thuật đo khung chậu nữ	12
130	Các bước tư vấn và phát hiện thai nghén nguy cơ cao	12
131	Chẩn đoán và xử trí sản giật	12
132	Phát hiện và xử trí sa dây rốn	12
133	Xử trí ngôi mông	12
134	Kỹ thuật và cách đọc kết quả Monitoring sản khoa	12
135	Kỹ thuật đẻ thường ngôi chỏm	12
136	Xử trí tích cực giai đoạn 3 của chuyển dạ	12
137	Xác định và xử trí băng huyết sau sinh	12
138	Bóc rau nhân tạo - Kiểm soát buồng tử cung	12
139	Cắt khâu tầng sinh môn	12
140	Kỹ thuật mổ lấy thai	12
141	Theo dõi và chăm sóc bà mẹ sau đẻ, sau mổ	12
142	Tư vấn nuôi con bằng sữa mẹ	12
143	Tư vấn kế hoạch hóa gia đình	12
144	Chăm sóc sơ sinh sau sinh	12

145	Hồi sức sơ sinh	12
146	Khám phụ khoa	12
147	Khám vú	12
148	Viêm nhiễm đường sinh dục nữ	12
149	Chẩn đoán và xử trí u xơ tử cung	12
150	Chẩn đoán và xử trí khối u phần phụ	12
151	Chẩn đoán và xử trí thai lạc chỗ	12
Thủ thuật		
152	Đỡ đẻ ngôi chỏm	
153	Cắt khâu tầng sinh môn	
154	Kiểm soát buồng tử cung	
155	Bấm ối	
156	Mổ lấy thai	
157	Khám phụ khoa	
158	Theo dõi nhịp tim thai và cơn go tử cung bằng máy Monitoring sản khoa	
7. Thực hành Khoa Nhi tổng hợp		
159	Cách làm bệnh án nhi khoa và lọc bệnh cấp cứu	4
160	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp ở trẻ em	4
161	Tiếp cận trẻ suy giảm tri giác	4
162	Khám hệ hô hấp trẻ em	4
163	Khám, chẩn đoán và điều trị viêm phổi trẻ em	4
164	Khám, chẩn đoán, điều trị và theo dõi hen phế quản trẻ em	4
165	Sử dụng thuốc theo đường hít và khí dung ở trẻ bị hen phế quản	4
166	Kỹ năng khám tim mạch và cách đọc X-quang tim bẩm sinh ở trẻ em	4
167	Cách đọc điện tâm đồ ở trẻ em	
168	Tiếp cận bệnh tim bẩm sinh nặng ở trẻ sơ sinh	4
169	Tiếp cận bệnh nhân bị thấp tim	4
170	Tiếp cận đau ngực ở trẻ em	4
171	Tiếp cận trẻ đau bụng và trẻ nôn	4
172	Tiếp cận trẻ tiêu chảy	4
173	Tiếp cận trẻ táo bón	4
174	Tiếp cận trẻ xuất huyết tiêu hóa	4
175	Khám và phát hiện một số bệnh truyền nhiễm thường gặp ở trẻ em	4
176	Khám thần kinh trẻ em	4
177	Tiếp cận chẩn đoán co giật ở trẻ em	4
178	Khám, chẩn đoán, điều trị và theo dõi bệnh động kinh trẻ em	4
179	Tiếp cận trẻ tiểu máu và khám phù thận ở trẻ em	4
180	Khám, chẩn đoán và xử trí trẻ dậy thì sớm	4
181	Khám, chẩn đoán và điều trị các bệnh lý tuyến giáp như suy giáp, cường giáp ở trẻ em	4
182	Thăm khám lâm sàng và định hướng chẩn đoán một số hội chứng nội tiết – di truyền thường gặp	4
183	Tiếp cận trẻ thiếu máu	4

184	Khám và phân loại trẻ sơ sinh	4
185	Hồi sức sơ sinh trong phòng sinh	4
186	Tiếp cận chẩn đoán và xử trí nhiễm trùng sơ sinh	4
187	Tiếp cận suy hô hấp sơ sinh	4
188	Tiếp cận chẩn đoán và xử trí vàng da tăng bilirubin gián tiếp ở trẻ sơ sinh	4
8. Thực hành Khoa Tai Mũi Họng - Mắt - Răng Hàm Mặt		
189	Viêm tai giữa cấp và mạn tính	2
190	Viêm mũi xoang cấp và mạn tính	2
191	Viêm họng	2
192	Viêm amidan và viêm V.A	2
193	Khám và làm bệnh án Tai Mũi Họng	8
194	Các thuốc thường dùng trong chuyên khoa TMH	4
195	X quang trong TMH	4
196	Thủ thuật điều trị ngoại trú về Tai	4
197	Thủ thuật điều trị ngoại trú về Mũi xoang	4
198	Thủ thuật điều trị ngoại trú về Họng Thanh quản	4
199	Theo dõi bệnh nhân sau phẫu thuật cắt amidan, nạo VA	4
200	Giải phẫu sinh lý mắt	6
201	Tật khúc xạ	8
202	Bỏng mắt - Chấn thương mắt	8
203	Bệnh học kết mạc - giác mạc	8
204	Bệnh học hốc mắt - phần phụ	8
205	Bệnh học glocom	4
206	Bệnh học viêm màng bồ đào	4
207	Bệnh học đục thể thủy tinh	4
208	Bệnh học võng mạc	4
209	Kỹ năng khám mắt và một số thủ thuật mắt	10
210	Sơ cứu gãy xương vùng hàm mặt	8
211	Điều trị vết thương phần mềm vùng hàm mặt không thiếu hổng tổ chức	8
212	Phẫu thuật rạch dẫn lưu áp xe nông vùng hàm mặt	8
213	Nắn sai khớp thái dương hàm	8
214	Phẫu thuật lấy dị vật vùng hàm mặt	8
215	Phẫu thuật gãy gò má cung tiếp bằng nẹp vít	8
216	Phẫu thuật gãy hàm dưới bằng nẹp vít	8
9. Thực hành Khoa Ung bướu		
217	Đại cương ung thư	4
218	Dịch tễ học ung thư	4
219	Cơ chế bệnh sinh và diễn tiến ung thư	4
220	Nguyên nhân ung thư	4
221	Dự phòng ung thư	8
222	Chẩn đoán ung thư	32
223	Điều trị phẫu thuật trong ung thư	28

224	Liệu pháp toàn thân điều trị ung thư	28
225	Xạ trị trong ung thư	24
226	Điều trị chăm sóc giảm nhẹ	24
227	Đánh giá đáp ứng điều trị ung thư	12
10. Thực hành Phòng khám Y học cổ truyền		
228	Tiếp cận khám bệnh Y học cổ truyền	20
229	Tiếp cận các phương pháp châm cứu	20
230	Tiếp cận xoa bóp bấm huyệt theo YHCT	20
231	Tiếp cận bệnh lý cơ xương khớp theo YHCT	20
232	Tiếp cận bệnh lý thần kinh ngoại biên, thần kinh trung ương theo YHCT.	20
233	Tiếp cận bệnh lý nội tiết theo YHCT	20
234	Tiếp cận bệnh lý hô hấp theo YHCT	20
235	Tiếp cận bệnh lý các chuyên khoa khác theo YHCT	20
11. Thực hành Phòng khám Sức khỏe Tâm thần và liệu pháp tâm lý		
236	Các rối loạn tư duy	8
237	Các rối loạn cảm xúc	8
238	Các rối loạn cảm giác và tri giác	8
239	Các rối loạn trí tuệ	8
240	Các rối loạn hoạt động	8
241	Tâm thần phân liệt	16
242	Trầm cảm	16
243	Rối loạn lo âu lan toả	16
244	Các thuốc chống loạn thần	8
245	Các thuốc chống trầm cảm	8
246	Các thuốc chỉnh khí sắc	8
247	Các thuốc chống lo âu	8
248	Liệu pháp giải thích hợp lý	16
249	Thang đánh giá trầm cảm BECK	4
250	Thang đánh giá lo âu ZUNG	4
251	Tư vấn tâm lý cho người bệnh và gia đình	16
12. Thực hành Phòng khám Da liễu		
252	Cấu trúc và sinh lí da	8
253	Tổn thương cơ bản	32
254	Cách khám và làm bệnh án	40
255	Viêm da: viêm da cơ địa, viêm da tiếp xúc	40
256	Bệnh da nhiễm khuẩn: chốc, nhọt, viêm quầng	40
13. Thực hành Khoa Phục hồi chức năng		
257	Nguyên tắc thực hành Phục hồi chức năng và ứng dụng ICF vào chuyên ngành Phục hồi chức năng	20
258	Các phương thức điều trị vật lý	20
259	Vận động trị liệu	20
260	Hoạt động trị liệu	20
261	Ngôn ngữ trị liệu	20
262	Phục hồi chức năng cho bệnh nhân đột quỵ	20

263	Phục hồi chức năng cho bệnh nhân sau chấn thương	20
264	Phục hồi chức năng cho các bệnh lý cơ xương khớp thường gặp	20
Tổng số		**2000**

4. Thực hành

Học viên sẽ luân phiên thực hành tại 6 đơn vị thuộc Khối Hồi sức - Cấp cứu, Khối Nội, Ngoại, Sản, Nhi và các chuyên khoa khác trong thời gian 12 tháng.

STT	Khoa thực hành	Thời gian
Khối Hồi sức - Cấp cứu		
1	Khoa Gây Mê Hồi sức - Cấp cứu - Chống độc; Trung tâm cấp cứu đa khoa và Đột Quỵ	3 tháng
Khối Nội, Ngoại, Sản, Nhi		
2	Khoa Nội Tổng hợp - Nội tiết - Cơ Xương Khớp	2 tháng
3	Khoa Nội Tim Mạch	
4	Khoa Ngoại Chấn thương chỉnh hình - Lồng ngực	2 tháng
5	Khoa Ngoại Tiết Niệu - Thần Kinh	
6	Khoa Ngoại Tiêu Hoá	
7	Khoa Phụ sản	2 tháng
8	Khoa Nhi	2 tháng
Chuyên khoa khác (HV chọn 1 trong các chuyên khoa)		
9	Khoa Tai Mũi họng - Mắt - Răng Hàm Mặt	1 tháng
10	Khoa Ung Bướu	
11	Phòng khám Y học cổ truyền	
12	Phòng khám Sức khỏe Tâm thần và liệu pháp tâm lý	
13	Phòng khám Da liễu	
14	Khoa Phục hồi chức năng	

5. Ôn tập tự học kiểm tra đánh giá

STT	Nội Dung	Thời gian (tiết)
1	Ôn tập	20
2	Kiểm tra và đánh giá	25
3	Hoàn chỉnh thủ tục, bế giảng khóa học	05
Tổng		**50**

6. Chỉ tiêu thực hành

6.1. Đối với người thực hành

- Học viên tham gia học tập, thực hành tất cả các nội dung trong chương trình đào tạo.
- Số lần thực hành mỗi kỹ năng, mức độ thành thạo theo quy định cụ thể của khoa.
- Hoàn thành 100% các nội dung thực hành tại khoa

6.2. Đối với người hướng dẫn thực hành

- Thực hiện đúng quy chế chuyên môn, nội quy bệnh viện và các quy định của Nhà nước.

- Có trách nhiệm hướng dẫn người thực hành thực hiện công tác khám, chữa bệnh theo đúng quy chế Bệnh viện và quy định của pháp luật để đạt kết quả theo yêu cầu
- Bảo đảm an toàn cho người bệnh trong quá trình hướng dẫn thực hành.
- Hàng ngày dành 30 phút để hướng dẫn, trao đổi chuyên môn, nghiệp vụ và công việc khám chữa bệnh với người thực hành.
- Ngay sau khi kết thúc thời gian thực hành, người được phân công hướng dẫn có trách nhiệm đánh giá, nhận xét quá trình thực hành của người thực hành về các nội dung:

+ Thời gian thực hành.
+ Năng lực thực hành chuyên môn.
+ Đạo đức nghề nghiệp.
+ Ý thức, tổ chức kỷ luật trong thời gian thực hành.

6.3. Đối với khoa, phòng hướng dẫn thực hành

- Có trách nhiệm triển khai, theo dõi, giám sát, quản lý hoạt động hướng dẫn thực hành tại đơn vị mình.
- Phân công người hướng dẫn thực hành.
- Phân công nhiệm vụ, công việc cho người thực hành thực hiện công tác khám, chữa bệnh, chăm sóc người bệnh tại đơn vị mình.
- Xác nhận quá trình thực hành theo đúng quy định.

7. Đánh giá hoàn thành quá trình thực hành

- Học viên tham gia đầy đủ các giờ học lý thuyết, thực hành theo quy định.
- Điều kiện tham gia đánh giá: Tham gia 100% số tiết thực hành và tối thiểu 80% lý thuyết, các bài tập về ca bệnh
- Hình thức và nội dung đánh giá:

+ Chuyên cần: học viên tham dự đầy đủ các buổi học, nếu vắng quá 20% số giờ học sẽ không đủ điều kiện làm bài thi kết thúc khóa học.

- Học viên tham gia học tập, thực hành tất cả các nội dung trong chương trình đào tạo.
- Số lần thực hành mỗi kỹ năng, mức độ thành thạo theo quy định cụ thể của khoa

8. Xác nhận quá trình thực hành

- Học viên sau khi hoàn thành chương trình đào tạo có nhận xét bằng văn bản của người hướng dẫn thực hành đối với người thực hành được Giám đốc Bệnh viện Trường Đại học Y - Dược Huế cấp Giấy xác nhận quá trình thực hành theo quy định tại Nghị định 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y - DƯỢC, ĐẠI HỌC HUẾ
BỆNH VIỆN TRƯỜNG ĐH Y-DƯỢC HUẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH THỰC HÀNH KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH ĐỐI VỚI CHỨC DANH BÁC SĨ RĂNG HÀM MẶT

(Đính kèm Bản công bố Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành số: 675 /BCB-BVYD ngày 10 tháng 4 năm 2025 của Bệnh viện Trường Đại học Y - Dược Huế)

1. Mục tiêu khóa học

- Nắm vững các quy chế chuyên môn, quy chế cấp cứu, chẩn đoán và làm hồ sơ bệnh án, quy chế sử dụng thuốc, quy chế hội chẩn, quy chế kê đơn thuốc trong điều trị ngoại trú và nội trú, quy chế an toàn chuyển viện….
- Hiểu và áp dụng các quy định về Bảo hiểm y tế
- Hiểu rõ nội dung các văn bản pháp lý liên quan đến công tác hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.
- Đảm bảo an toàn người bệnh và phòng ngừa sự cố y khoa; Kiểm soát nhiễm khuẩn;
- Tiếp cận chẩn đoán và xử trí được các bệnh lý cấp cứu thường gặp trong chuyên ngành Răng hàm mặt.
- Thực hiện được các kỹ thuật thuộc chuyên ngành Hồi sức cấp cứu
- Chẩn đoán và xử trí được một số cấp cứu thường gặp trong khoa cấp cứu
- Thực hiện được các kỹ thuật chuyên môn trong phạm vi hành nghề của bác sĩ răng hàm mặt được quy định bởi Bộ y tế.
- Tuân thủ các quy định về pháp lý và chuẩn nghề nghiệp trong việc khám, chữa bệnh cho nhân dân.
- Rèn luyện tác phong tích cực, an toàn trong khi làm các thủ thuật răng hàm mặt và thái độ ân cần, chu đáo đối với bệnh nhân khi làm thủ thuật.
- Khiêm tốn và sẵn sàng tiếp nhận những đóng góp từ người bệnh, người nhà người bệnh và đồng nghiệp.
- Trung thực báo cáo những sai sót của bản thâm và hệ thống y tế trong thực hành nghề nghiệp

- 2. Thời lượng đào tạo

- Thời gian đào tạo trong 12 tháng
- Tổng số tiết đào tạo quy đổi: 2050 tiết
    - Lý thuyết: 200
    - Thực hành: 1800
    - Ôn tập, tự học, kiểm tra đánh giá: 50

3. Nội dung đào tạo:

STT	Nội dung	Số tiết
I. Kiến thức chung		

1	Giới thiệu tổ chức, quy chế chuyên môn, quy định của bệnh viện về tổ chức đào tạo; Quy định một số điều của Luật khám chữa bệnh liên quan, an toàn người bệnh, chính sách bảo hiểm y tế; Kỹ năng giao tiếp, tư vấn, giáo dục sức khoẻ trong chăm sóc người bệnh	100
II. Thực hành KB, CB về Hồi sức Cấp cứu		
1. Khoa Gây mê Hồi sức - Cấp cứu - Chống độc		
2	Tiếp cận bệnh nhân cấp cứu	30
3	Tiếp cận cấp cứu bệnh nhân chấn thương	30
4	Chẩn đoán và xử trí suy hô hấp	30
5	Chẩn đoán và điều trị sốc nhiễm khuẩn	30
6	Chẩn đoán và xử trí hôn mê	30
7	Tiếp cận và xử trí co giật	20
8	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp	40
9	Cấp cứu phản vệ	30
10	Cấp cứu dị vật đường thở	20
11	Rối loạn nước và điện giải	20
12	Chẩn đoán và điều trị: Ong đốt, Điện giật, Ngạt nước	30
13	Chẩn đoán và điều trị rắn cắn	20
14	Nguyên tắc xử trí ngộ độc cấp	30
15	Kỹ thuật kiểm soát đường thở	40
16	Đặt đường truyền tĩnh mạch và theo dõi bệnh nhân nặng	40
17	Chỉ định và các mode thở cơ bản trong thông khí nhân tạo	40
2. Trung tâm Cấp cứu Đa khoa và Đột quỵ		
18	Nhận định và kiểm soát ban đầu bệnh nhân cấp cứu: các nguyên lý cơ bản	24
19	Các kỹ thuật kiểm soát đường thở	24
20	Tiếp cận và xử trí đột quỵ cấp	24
21	Tiếp cận và xử trí cơn co giật cấp	24
22	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp cơ bản	24
23	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp nâng cao	24
24	Chẩn đoán và xử trí cấp cứu nhồi máu cơ tim cấp có ST chênh lên	24
25	Cấp cứu chấn thương sọ não	24
26	Cấp cứu chấn thương cột sống	24
27	Cấp cứu chấn thương ngực	24
28	Cấp cứu chấn thương bụng	24
29	Cấp cứu bệnh nhân bỏng	24
30	Tiếp cận và xử trí bệnh nhân đau bụng cấp	24
31	Tiếp cận và xử trí bệnh nhân nôn ra máu	24
32	Tiếp cận và xử trí bệnh nhân ngộ độc cấp	24
33	Tiếp cận và xử trí bệnh nhân sốc	24
34	Tiếp cận và xử trí bệnh nhân Ngất	24
35	Kỹ thuật xử trí vết thương xuyên thấu	24
36	Kỹ thuật bất động xương gẫy và cột sống	24
37	Kỹ thuật vận chuyển bệnh nhân cấp cứu	24

38	Cấp cứu động vật cắn	24
39	Cấp cứu chấn thương xương, mô mềm và chi thể đứt rời	24
Thủ thuật		
40	Thở oxy	
41	Bóp bóng Ambu qua mặt nạ	
42	Kỹ thuật phun khí dung	
43	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp	
44	Đặt nội khí quản	
45	Sốc điện ngoài lồng ngực cấp cứu	
46	Bất động cột sống cổ bằng nẹp cứng	
47	Băng ép, garo cầm máu .Cố định tạm thời người bệnh gãy xương	
48	Vận chuyển người bệnh an toàn	
49	Đặt catheter tĩnh mạch	
50	Ghi điện tim cấp cứu tại giường	
51	Khâu vết thương phần mềm dài < 10 cm và > 10 cm	
52	Cắt lọc, khâu vết thương rách da đầu	
53	Băng bó vết thương	
54	Sơ cứu bỏng đường hô hấp	
55	Thủ thuật Heimlich (lấy dị vật đường thở)	
56	Đặt ống thông dạ dày	
57	Rửa dạ dày cấp cứu	
58	Thông tiểu	
59	Khám bệnh nhân bỏng, chẩn đoán diện tích và độ sâu bỏng bằng lâm sàng	
60	Xử lý tại chỗ kỳ đầu tổn thương bỏng	
61	Băng ép bất động sơ cứu rắn cắn	
III. Thực hành Khoa Tai Mũi Họng - Mắt - Răng Hàm Mặt		
1. Phẫu thuật hàm mặt		
62	Phẫu thuật rạch dẫn lưu áp xe nông vùng hàm mặt	16
63	Phẫu thuật rạch dẫn lưu viêm tấy lan tỏa vùng hàm mặt	16
64	Nắn sai khớp thái dương hàm	16
65	Phẫu thuật gãy gò má bằng nẹp vít	16
66	Phẫu thuật gãy cung tiếp bằng nẹp vít	16
67	Phẫu thuật gãy gò má cung tiếp bằng nẹp vít	16
68	Điều trị gãy gò má, cung tiếp bằng nắn chỉnh có gây mê hoặc gây tê	16
69	Điều trị gãy xương hàm dưới bằng buộc cung cố định hai hàm	16
70	Phẫu thuật gãy hàm dưới bằng nẹp vít	16
71	Điều trị gãy xương hàm dưới bằng vít neo chặn cố định hai hàm	16
72	Điều trị bảo tồn gãy lồi cầu xương hàm dưới	16
73	Phẫu thuật điều trị đa chấn thương vùng hàm mặt	16
74	Phẫu thuật lấy dị vật vùng hàm mặt	16
75	Điều trị vết thương phần mềm vùng hàm mặt không thiếu hổng tổ chức	16
76	Phẫu thuật điều trị khe hở môi một bên	16
77	Dẫn lưu máu tụ vùng miệng – hàm mặt	16

78	Sơ cứu gãy xương vùng hàm mặt	16
79	Phẫu thuật lấy sỏi ống wharton tuyến dưới hàm	16
80	Phẫu thuật lấy xương chết, nạo rò điều trị viêm xương hàm	16
81	Phẫu thuật cắt nang do răng xương hàm trên	16
2. Phẫu thuật trong miệng		
82	Nhổ răng thừa	16
83	Phẫu thuật nhổ răng ngầm	16
84	Phẫu thuật nhổ răng khôn mọc lệch có cắt thân	16
85	Phẫu thuật nhổ răng khôn mọc lệch có cắt thân, chia chân răng	16
86	Phẫu thuật nhổ răng có tạo hình xương ổ răng	16
87	Phẫu thuật nội nha hàn ngược ống tủy	16
88	Cắt phanh niêm mạc để làm hàm giả	16
89	Phẫu thuật cắt lồi xương	16
90	Phẫu thuật làm sâu ngách tiền đình	16
91	Cấy chuyển răng	16
92	Cấy lại răng bật khỏi ổ răng	16
93	Phẫu thuật rạch dẫn lưu áp xe nông vùng hàm mặt	16
94	Phẫu thuật rạch dẫn lưu viêm tấy lan tỏa vùng hàm mặt	16
95	Phẫu thuật lấy sỏi ống wharton tuyến dưới hàm	16
96	Phẫu thuật tạo hình nhú lợi	16
97	Phẫu thuật cấy ghép implant	16
98	Cấy ghép implant tức thì sau nhổ răng	16
99	Phẫu thuật ghép xương tự thân để cấy ghép implant	16
100	Phẫu thuật ghép xương nhân tạo để cấy ghép implant	16
101	Phẫu thuật đặt xương nhân tạo và màng sinh học quanh implant	16
3. Chữa răng nội nha		
102	Phòng ngừa sâu răng với thuốc bôi bề mặt	8
103	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng GlassIonomer Cement (GIC) kết hợp Composite	8
104	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Composite	16
105	Veneer Composite trực tiếp	8
106	Điều trị răng vĩnh viễn viêm tủy có hồi phục	8
107	Lấy tuỷ buồng răng vĩnh viễn	8
108	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tuỷ bằng Gutta percha nguội có sử dụng trâm xoay máy	16
109	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tuỷ bằng Gutta percha nguội có sử dụng trâm cầm tay	16
110	Điều trị tủy lại	16
111	Điều trị tủy răng ngoài miệng (răng bị bật, nhổ)	8
112	Điều trị đóng cuống răng bằng Canxi Hydroxit, MTA	8
113	Phẫu thuật nội nha có cắt bỏ chân răng và một phần thân răng	8
114	Tẩy trắng răng tủy sống có sử dụng đèn Plasma	8
115	Tẩy trắng răng nội tuỷ	8
116	Tẩy trắng răng tủy sống bằng máng thuốc	8
117	Điều trị nhạy cảm ngà bằng thuốc bôi (các loại)	8

4. Răng trẻ em		
118	Trám bít hố rãnh bằng nhựa sealant	8
119	Trám bít hố rãnh bằng glass ionomer cement	8
120	Hàn răng không sang chấn với glass ionomer cement	16
121	Phòng ngừa sâu răng với thuốc bôi bề mặt	16
122	Điều trị răng sữa viêm tủy có hồi phục	8
123	Lấy tủy buồng răng sữa	8
124	Điều trị tủy răng sữa	16
125	Điều trị đóng cuống răng bằng canxi hydroxit	8
126	Điều trị đóng cuống răng bằng MTA	8
127	Điều trị răng sữa sâu ngà phục hồi bằng glass ionomer cement	16
128	Phục hồi thân răng sữa bằng chụp thép	16
129	Nhổ răng sữa	8
130	Nhổ chân răng sữa	8
131	Chích áp-xe lợi ở trẻ em	8
132	Điều trị viêm lợi ở trẻ em (do mảng bám)	8
5. Phục hình		
133	Mão nhựa (tạm)	8
134	Mão kim loại toàn phần	8
135	Mão kim loại – sứ	8
136	Mão kim loại titanium – cẩn sứ	8
137	Mão sứ toàn phần	8
138	Mão sứ Cercon	8
139	Cầu răng kim loại (thường)	8
140	Cầu răng kim loại – sứ (thường)	8
141	Cầu sứ toàn phần	8
142	Cầu sứ cercon	8
143	Phục hình chốt cùi đúc kim loại	8
144	Phục hình chốt cùi đúc kim loại titan	8
145	Phục hình inlay – onlay composite	8
146	Phục hình inlay – onlay composite sứ	8
147	Hàm giả tháo lắp bán phần nền nhựa thường	8
148	Hàm khung kim loại	8
149	Hàm khung titanium	8
150	Hàm giả tháo lắp toàn phần nền nhựa	8
151	Tháo cầu răng giả	8
152	Thêm răng cho hàm giả tháo lắp	8
6. Nha chu		
153	Phẫu thuật che phủ chân răng bằng vạt niêm mạc toàn phần	16
154	Phẫu thuật che phủ chân răng bằng vạt trượt sang bên	16
155	Phẫu thuật cắt lợi điều trị túi quanh răng (túi nha chu)	16
156	Phẫu thuật vạt điều trị túi quanh răng (túi nha chu)	16
157	Nạo túi lợi (túi nướu)	16
158	Phẫu thuật tạo hình nhú lợi (gai nướu)	16
159	Điều trị áp-xe quanh răng cấp	8

160	Điều trị áp-xe quanh răng mạn	8
161	Điều trị viêm quanh răng (viêm nha chu)	16
162	Chích apxe lợi (nướu)	8
163	Kỹ thuật lấy cao răng	8
164	Điều trị viêm lợi (nướu) loét hoại tử cấp	16
7. Chỉnh nha và điều trị rối loạn thái dương - hàm		
165	Điều trị thói quen nghiến răng bằng máng	24
166	Máng điều trị đau trong rối loạn thái dương hàm	16
167	Máng nâng khớp cắn	8
168	Mài chỉnh khớp cắn	16
169	Nắn sai khớp thái dương hàm	8
170	Nắn sai khớp thái dương hàm đến muộn có gây tê	8
171	Nắn chỉnh mũi - cung hàm trước phẫu thuật điều trị khe hở môi - vòm miệng giai đoạn sớm	16
172	Kỹ thuật nắn chỉnh răng bằng khí cụ tháo lắp	16
173	Nắn chỉnh răng hai hàm sử dụng mắc cài thép truyền thống	16
174	Nắn chỉnh răng sử dụng neo chặn bằng microimplant	16
175	Duy trì kết quả điều trị nắn chỉnh răng bằng khí cụ cố định	16
Tổng số		**2000**

4. Thực hành

Học viên sẽ luân phiên thực hành tại 2 đơn vị thuộc Khối Hồi sức - Cấp cứu và Khoa Tai Mũi Họng - Mắt - Răng Hàm Mặt trong thời gian 12 tháng.

STT	Khoa thực hành	Thời gian
1	Khoa Gây Mê Hồi sức - Cấp cứu - Chống độc; Trung tâm cấp cứu Đa khoa - Đột Quỵ	3 tháng
2	Khoa Tai Mũi Họng - Mắt - Răng Hàm Mặt	9 tháng

5. Ôn tập tự học kiểm tra đánh giá

STT	Nội Dung	Thời gian (tiết)
1	Ôn tập	20
2	Kiểm tra và đánh giá	25
3	Hoàn chỉnh thủ tục, bế giảng khóa học	05
Tổng		**50**

6. Chỉ tiêu thực hành

6.1. Đối với người thực hành

- Học viên tham gia học tập, thực hành tất cả các nội dung trong chương trình đào tạo.
- Số lần thực hành mỗi kỹ năng, mức độ thành thạo theo quy định cụ thể của khoa.
- Hoàn thành 100% các nội dung thực hành tại khoa

6.2. Đối với người hướng dẫn thực hành

- Thực hiện đúng quy chế chuyên môn, nội quy bệnh viện và các quy định của Nhà nước.
- Có trách nhiệm hướng dẫn người thực hành thực hiện công tác khám, chữa bệnh theo đúng quy chế Bệnh viện và quy định của pháp luật để đạt kết quả theo yêu cầu
- Bảo đảm an toàn cho người bệnh trong quá trình hướng dẫn thực hành
- Hàng ngày dành 30 phút để hướng dẫn, trao đổi chuyên môn, nghiệp vụ và công việc khám chữa bệnh với người thực hành.
- Ngay sau khi kết thúc thời gian thực hành, người được phân công hướng dẫn có trách nhiệm đánh giá, nhận xét quá trình thực hành của người thực hành về các nội dung:

+ Thời gian thực hành.
+ Năng lực thực hành chuyên môn.
+ Đạo đức nghề nghiệp.
+ Ý thức, tổ chức kỷ luật trong thời gian thực hành.

6.3. Đối với khoa, phòng hướng dẫn thực hành

- Có trách nhiệm triển khai, theo dõi, giám sát, quản lý hoạt động hướng dẫn thực hành tại đơn vị mình.
- Phân công người hướng dẫn thực hành.
- Phân công nhiệm vụ, công việc cho người thực hành thực hiện công tác khám, chữa bệnh, chăm sóc người bệnh tại đơn vị mình.
- Xác nhận quá trình thực hành theo đúng quy định.

7. Đánh giá hoàn thành quá trình thực hành

- Học viên tham gia đầy đủ các giờ học lý thuyết, thực hành theo quy định.
- Điều kiện tham gia đánh giá: Tham gia 100% số tiết thực hành và tối thiểu 80% lý thuyết, các bài tập về ca bệnh
- Hình thức và nội dung đánh giá:

+ Chuyên cần: học viên tham dự đầy đủ các buổi học, nếu vắng quá 20% số giờ học sẽ không đủ điều kiện làm bài thi kết thúc khóa học.

- Học viên tham gia học tập, thực hành tất cả các nội dung trong chương trình đào tạo.
- Số lần thực hành mỗi kỹ năng, mức độ thành thạo theo quy định cụ thể của khoa

8. Xác nhận quá trình thực hành

- Học viên sau khi hoàn thành chương trình đào tạo, đạt các yêu cầu theo phương pháp đánh giá trên.
- Sau khi có nhận xét bằng văn bản của người hướng dẫn thực hành đối với người thực hành được Giám đốc Bệnh viện Trường Đại học Y - Dược Huế cấp Giấy xác nhận quá trình thực hành theo quy định tại Nghị định 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y - DƯỢC, ĐẠI HỌC HUẾ
BỆNH VIỆN TRƯỜNG ĐH Y-DƯỢC HUẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH THỰC HÀNH KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH ĐỐI VỚI CHỨC DANH ĐIỀU DƯỠNG

(Đính kèm Bản công bố Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành số: 675 /BCB-BVYD ngày 10 tháng 4 năm 2025 của Bệnh viện Trường Đại học Y - Dược Huế)

I. Mục tiêu khóa học

1. Kiến thức:

- Giải thích được các bước của quy trình điều dưỡng
- Trình bày được các văn bản quy phạm pháp luật, các quy định liên quan đến công tác điều dưỡng, quản lý, vận hành, bảo quản máy móc, thiết bị trong bệnh viện
- Nhận dạng được các hành vi nguy cơ và các giải pháp đảm bảo an toàn người bệnh liên quan đến công tác điều dưỡng
- Có kiến thức chuyên môn về chăm sóc người bệnh và thực hành thành thạo các kỹ thuật điều dưỡng trên người bệnh đảm bảo an toàn, khoa học dựa trên bằng chứng.

2. Kỹ năng:

- Áp dụng được quy trình điều dưỡng và thực hành dựa trên bằng chứng trong chăm sóc người bệnh (khám nhận định người bệnh và xác định đúng vấn đề chăm sóc; lập kế hoạch chăm sóc, thực hiện kế hoạch và lượng giá phù hợp với người bệnh)
- Thực hiện các kỹ thuật điều dưỡng cơ bản trên người bệnh đảm bảo an toàn và hiệu quả.
- Phát hiện sớm các diễn biến bất thường trên người bệnh, phản vệ, ngừng tuần hoàn, ngừng hô hấp), ra quyết định xử trí ban đầu và phối hợp với các thành viên trong nhóm thực hiện sơ cứu, cấp cứu kịp thời và hiệu quả.
- Thực hiện đúng quy trình thực hành phòng ngừa chuẩn và kiểm soát nhiễm khuẩn bệnh viện.
- Thực hiện đúng các quy định về an toàn người bệnh trong thực hành chăm sóc và báo cáo sự cố y khoa.
- Giao tiếp công sở, giao tiếp với người bệnh/GĐ người bệnh phù hợp với văn hóa, tín ngưỡng; giao tiếp được với người bệnh có trở ngại (hôn mê, tâm thần, khiếm thính, khiếm thị…)
- Cung cấp thông tin liên quan tới chăm sóc cho người bệnh/ gia đình người bệnh đầy đủ và kịp thời; Giáo dục sức khỏe và tư vấn cho người bệnh/ gia đình NB phù hợp.
- Vận hành và bảo quản các thiết bị chuyên môn liên quan tới công việc đúng quy trình, đúng quy định, đảm bảo an toàn hiệu quả.
- Thực hiện ghi chép, quản lý hồ sơ bệnh án đúng quy định.
- Hợp tác làm việc theo nhóm trong chăm sóc người bệnh.

- Ứng dụng được công nghệ thông tin vào công tác chăm sóc người bệnh

3. Mức độ tự chủ trách nhiệm:

- Tuân thủ đúng các quy định của Pháp luật liên quan và Tiêu chuẩn đạo đức khi thực hành nghề nghiệp.
- Tự giác học tập liên tục để duy trì, phát triển năng lực cho bản thân và nghề nghiệp.
- Tác phong cẩn thận; tỉ mỉ; trung thực; tôn trọng, hợp tác với người bệnh và đồng nghiệp; đảm bảo an toàn khi chăm sóc người bệnh; chịu trách nhiệm cá nhân khi thực hành nghề nghiệp

II. Thời lượng đào tạo

- Thời gian đào tạo trong 06 tháng (tương đương 132 ngày, 1 ngày = 8 tiết)
- Tổng số tiết đào tạo quy đổi: 1056 tiết
    - Lý thuyết: 94
    - Thực hành: 902
    - Ôn tập, tự học, kiểm tra đánh giá: 50

III. Nội dung đào tạo:

1. Lý thuyết

STT	Nội dung	Số tiết
1	***Định hướng và các quy định về hành nghề điều dưỡng***	**14**
1.1.	Giới thiệu tổ chức, quy định của bệnh viện tổ chức đào tạo; Quy định, một số luật khám chữa bệnh liên quan, chính sách bảo hiểm y tế; Chương trình đào tạo, phương pháp học thực hành lâm sàng đối với ĐDV mới	10
1.2.	Chuẩn năng lực cơ bản của Điều dưỡng Việt Nam.	2
1.3.	Các Quy định liên quan tới hành nghề Điều dưỡng và chăm sóc người bệnh	2
2	***An toàn người bệnh và kiểm soát nhiễm khuẩn***	**12**
2.1.	Áp dụng Phòng ngừa chuẩn trong chăm sóc người bệnh	4
2.2.	Phòng ngừa sự cố y khoa liên quan đến chăm sóc người bệnh	4
2.3.	Phòng và xử trí phản vệ	4
3	***Kỹ thuật điều dưỡng cơ bản và chăm sóc người bệnh***	**48**
3.1	Áp dụng quy trình điều dưỡng trong chăm sóc người bệnh	4
3.2	Kỹ thuật hỗ trợ hô hấp và quản lý đường thở	4
3.3	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp cơ bản	4
3.4	Cấp cứu vết thương, vết thương mạch máu	4
3.5	Kỹ thuật truyền dịch, truyền máu	4
3.6	Chăm sóc giảm đau	4
3.7	Dự phòng và chăm sóc loét tỳ đè cho người bệnh	4
3.8	Kỹ thuật chăm sóc vết thương và ống dẫn lưu	4
3.9	Thực hành dùng thuốc cho người bệnh	4
3.10	Chuẩn bị và chăm sóc người bệnh trước mổ, trong mổ, và sau mổ	4
3.11	Một số kỹ thuật điều dưỡng cơ bản khác: Đo điện tim tại giường, thông tiểu, đo đường máu tại giường, nhận diện người bệnh, theo dõi lượng dịch vào, ra, …	8

4	***Quản lý chăm sóc người bệnh, trang thiết bị y tế***	**8**
4.1.	Quy định về ghi chép quản lý hồ sơ bệnh án và các biểu mẫu chăm sóc	4
4.2.	Quản lý thuốc và vật tư tiêu hao y tế	4
4.3.	Sử dụng và quản lý các máy y tế: Monitor, máy truyền dịch, máy bơm tiêm điện, máy điện tim	4
5	***Giao tiếp, tư vấn và làm việc nhóm***	**8**
5.1.	Kỹ năng giao tiếp, tư vấn, giáo dục sức khoẻ trong chăm sóc người bệnh	4
5.2.	Kỹ năng làm việc nhóm trong chăm sóc y tế	4
	Tổng số	**94**

2. Thực hành

Học viên sẽ luân phiên thực hành tại 3 đơn vị thuộc Khối Hồi sức - Cấp cứu, khối Nội, và Khối Ngoại trong thời gian 6 tháng.

STT	Khoa thực hành	Thời gian
	Khối Hồi sức – Cấp cứu	
1	Khoa Gây Mê Hồi sức - Cấp cứu - Chống độc; Trung tâm cấp cứu Đa khoa và Đột Quỵ	1 tháng
	Khối Nội	
1	Khoa Nội Tim Mạch	2,5 tháng
2	Khoa Nội Tổng hợp - Nội tiết - Cơ Xương Khớp	
3	Khoa Nhi	
	Khối Ngoại	
1	Khoa Ngoại Tiêu Hoá	2,5 tháng
2	Khoa Ngoại Tiết Niệu - Thần Kinh	
3	Khoa Ngoại Chấn thương chỉnh hình - Lồng ngực	
4	Khoa Ung Bướu	
5	Khoa Tai Mũi họng - Mắt - Răng Hàm Mặt	

3. Ôn tập tự học kiểm tra đánh giá

STT	Nội Dung	Thời gian (tiết)
1	Ôn tập	20
2	Kiểm tra và đánh giá	25
3	Hoàn chỉnh thủ tục, bế giảng khóa đào tạo	5
	Tổng	**50**

IV. Chỉ tiêu thực hành:

1. Đối với người thực hành

- Học viên tham gia học tập, thực hành tất cả các nội dung trong chương trình đào tạo.
- Tuân thủ quy chế chuyên môn, nội quy bệnh viện và các quy định của Nhà nước.

- Thực hiện đúng trách nhiệm của người thực hành theo quy định. Tuân thủ theo sự hướng dẫn của người hướng dẫn thực hành.
- Bảo đảm an toàn cho người bệnh trong quá trình thực hành, giữ bí mật thông tin của người bệnh, của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trong quá trình thực hành.
- Không được tự ý thực hiện các thủ thuật, kỹ thuật khi chưa được người hướng dẫn cho phép.
- Thực hiện các nghĩa vụ ghi trong hợp đồng thực hành khám bệnh, chữa bệnh. Đảm bảo kết quả thực hành khám chữa bệnh theo yêu cầu.

2. Đối với người hướng dẫn thực hành

- Thực hiện đúng quy chế chuyên môn, nội quy bệnh viện và các quy định của Nhà nước.
- Có trách nhiệm hướng dẫn người thực hành thực hiện công tác khám, chữa bệnh theo đúng quy chế Bệnh viện và quy định của pháp luật để đạt kết quả theo yêu cầu
- Bảo đảm an toàn cho người bệnh trong quá trình hướng dẫn thực hành.
- Hàng ngày dành 30 phút để hướng dẫn, trao đổi chuyên môn, nghiệp vụ và công việc khám chữa bệnh với người thực hành.
- Ngay sau khi kết thúc thời gian thực hành, người được phân công hướng dẫn có trách nhiệm đánh giá, nhận xét quá trình thực hành của người thực hành về các nội dung:

+ Thời gian thực hành.
+ Năng lực thực hành chuyên môn.
+ Đạo đức nghề nghiệp.
+ Ý thức, tổ chức kỷ luật trong thời gian thực hành.

3. Đối với khoa, phòng hướng dẫn thực hành

- Có trách nhiệm triển khai, theo dõi, giám sát, quản lý hoạt động hướng dẫn thực hành tại đơn vị mình.
- Phân công người hướng dẫn thực hành.
- Phân công nhiệm vụ, công việc cho người thực hành thực hiện công tác khám, chữa bệnh, chăm sóc người bệnh tại đơn vị mình.
- Xác nhận quá trình thực hành theo đúng quy định.

V. Đánh giá hoàn thành quá trình thực hành

- Học viên tham gia đầy đủ các giờ học lý thuyết, thực hành theo quy định.
- Điều kiện tham gia đánh giá: Tham gia 100% số tiết thực hành và tối thiểu 80% lý thuyết, các bài tập về ca bệnh
- Đánh giá kết quả học viên 2 đợt (giữa đợt và cuối đợt thực hành): mức độ đạt theo bảng tiêu chí dựa theo chuẩn năng lực của điều dưỡng Việt Nam (Quyết định 3474/QĐ- BYT ngày 28 tháng 12 năm 2022)

VI. Xác nhận quá trình thực hành

- Học viên sau khi hoàn thành chương trình đào tạo, đạt các yêu cầu theo phương

pháp đánh giá trên.

- Sau khi có nhận xét bằng văn bản của người hướng dẫn thực hành đối với người thực hành được Giám đốc Bệnh viện Trường Đại học Y - Dược Huế cấp Giấy xác nhận quá trình thực hành theo quy định tại Nghị định 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y - DƯỢC, ĐẠI HỌC HUẾ
BỆNH VIỆN TRƯỜNG ĐH Y-DƯỢC HUẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH THỰC HÀNH KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH ĐỐI VỚI CHỨC DANH HỘ SINH

(Đính kèm Bản công bố Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành số: 675 /BCB-BVYD ngày 10 tháng 4 năm 2025 của Bệnh viện Trường Đại học Y - Dược Huế)

I. Mục tiêu khóa học

1. Kiến thức:

- Giải thích được các bước của quy trình kỹ thuật chăm sóc
- Trình bày được các văn bản quy phạm pháp luật, các quy định liên quan đến công tác chăm sóc người bệnh, quản lý, vận hành, bảo quản máy móc, thiết bị trong bệnh viện
- Nhận dạng được các hành vi nguy cơ và các giải pháp đảm bảo an toàn người bệnh liên quan đến công tác hộ sinh
- Có kiến thức chuyên môn về chăm sóc người bệnh và thực hành thành thạo các kỹ thuật điều dưỡng, hộ sinh trên người bệnh đảm bảo an toàn, khoa học dựa trên bằng chứng.

2. Kỹ năng:

- Áp dụng được quy trình điều dưỡng, hộ sinh và thực hành dựa trên bằng chứng trong chăm sóc người bệnh (khám nhận định người bệnh và xác định đúng vấn đề chăm sóc; lập kế hoạch chăm sóc, thực hiện kế hoạch và lượng giá phù hợp với người bệnh)
- Thực hiện các kỹ thuật điều dưỡng, hộ sinh trên người bệnh đảm bảo an toàn và hiệu quả.
- Phát hiện sớm các diễn biến bất thường trên người bệnh, phản vệ, ngừng tuần hoàn, ngừng hô hấp), ra quyết định xử trí ban đầu và phối hợp với các thành viên trong nhóm thực hiện sơ cứu, cấp cứu kịp thời và hiệu quả.
- Thực hiện đúng quy trình thực hành phòng ngừa chuẩn và kiểm soát nhiễm khuẩn bệnh viện.
- Thực hiện đúng các quy định về an toàn người bệnh trong thực hành chăm sóc và báo cáo sự cố y khoa.
- Giao tiếp công sở, giao tiếp với người bệnh/GĐ người bệnh phù hợp với văn hóa, tín ngưỡng; giao tiếp được với người bệnh có trở ngại (hôn mê, tâm thần, khiếm thính, khiếm thị…)
- Cung cấp thông tin liên quan tới chăm sóc cho người bệnh/ gia đình người bệnh đầy đủ và kịp thời; Giáo dục sức khỏe và tư vấn cho người bệnh/ gia đình NB phù hợp.
- Vận hành và bảo quản các thiết bị chuyên môn liên quan tới công việc đúng quy trình, đúng quy định, đảm bảo an toàn hiệu quả.

- Thực hiện ghi chép, quản lý hồ sơ bệnh án đúng quy định.
- Hợp tác làm việc theo nhóm trong chăm sóc người bệnh.
- Ứng dụng được công nghệ thông tin vào công tác chăm sóc người bệnh
- Áp dụng được Chuẩn năng lực cơ bản của Hộ sinh Việt Nam vào chăm sóc người bệnh.

3. Mức độ tự chủ trách nhiệm:

- Tuân thủ đúng các quy định của Pháp luật liên quan và Tiêu chuẩn đạo đức khi thực hành nghề nghiệp.
- Tự giác học tập liên tục để duy trì, phát triển năng lực cho bản thân và nghề nghiệp.
- Tác phong cẩn thận; tỉ mỉ; trung thực; tôn trọng, hợp tác với người bệnh và đồng nghiệp; đảm bảo an toàn khi chăm sóc người bệnh; chịu trách nhiệm cá nhân khi thực hành nghề nghiệp

II. Thời lượng đào tạo

- Thời gian đào tạo trong 06 tháng (tương đương 132 ngày, 1 ngày = 8 tiết)
- Tổng số tiết đào tạo quy đổi: 1056 tiết
    - Lý thuyết: 94
    - Thực hành: 902
    - Ôn tập, tự học, kiểm tra đánh giá: 50

III. Nội dung đào tạo:

1. Lý thuyết

STT	Nội dung	Số tiết
1	***Định hướng và các quy định về hành nghề hộ sinh***	**14**
1.1.	Giới thiệu tổ chức, quy định của bệnh viện tổ chức đào tạo; Quy định, một số luật khám chữa bệnh liên quan, chính sách bảo hiểm y tế; Chương trình đào tạo, phương pháp học thực hành lâm sàng đối với ĐDV mới	10
1.2.	Chuẩn năng lực cơ bản của Hộ sinh Việt Nam.	2
	Áp dụng chuẩn đạo đức nghề nghiệp của Điều dưỡng viên Việt Nam vào thực hành chăm sóc người bệnh	
1.3.	Các Quy định liên quan tới hành nghề và chăm sóc người bệnh	2
2	***An toàn người bệnh và kiểm soát nhiễm khuẩn***	**12**
2.1.	Áp dụng Phòng ngừa chuẩn trong chăm sóc người bệnh	4
2.2.	Phòng ngừa sự cố y khoa liên quan đến chăm sóc người bệnh	4
2.3.	Phòng và xử trí phản vệ	4
3	***Kỹ thuật điều dưỡng cơ bản và chăm sóc người bệnh***	**48**
3.1	Áp dụng quy trình điều dưỡng, hộ sinh trong chăm sóc người bệnh	4
3.2	Kỹ thuật hỗ trợ hô hấp và quản lý đường thở	4
3.3	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp cơ bản	4
3.4	Cấp cứu vết thương, vết thương mạch máu	4
3.5	Kỹ thuật truyền dịch, truyền máu	4
3.6	Chăm sóc giảm đau	4
3.7	Dự phòng và chăm sóc loét tỳ đè cho người bệnh	4

3.8	Kỹ thuật chăm sóc vết thương và ống dẫn lưu	4
3.9	Thực hành dùng thuốc cho người bệnh	4
3.10	Chuẩn bị và chăm sóc người bệnh trước mổ, trong mổ, và sau mổ	4
3.11	Một số kỹ thuật điều dưỡng cơ bản khác: Đo điện tim tại giường, thông tiểu, đo đường máu tại giường, nhận diện người bệnh, theo dõi lượng dịch vào, ra, …	8
4	***Quản lý chăm sóc người bệnh, trang thiết bị y tế***	**12**
4.1.	Quy định về ghi chép quản lý hồ sơ bệnh án và các biểu mẫu chăm sóc	4
4.2.	Quản lý thuốc và vật tư tiêu hao y tế	4
4.3.	Sử dụng và quản lý các máy y tế: Monitor, máy truyền dịch, máy bơm tiêm điện, máy điện tim	4
5	***Giao tiếp, tư vấn và làm việc nhóm***	**8**
5.1.	Kỹ năng giao tiếp, tư vấn, giáo dục sức khoẻ trong chăm sóc người bệnh	4
5.2.	Kỹ năng làm việc nhóm trong chăm sóc y tế	4
	Tổng số	**94**

2. Thực hành

Học viên sẽ luân phiên thực hành tại đơn vị thuộc Khối Hồi sức - Cấp cứu và khoa Phụ Sản trong thời gian 6 tháng.

STT	Khoa thực hành	Thời gian
	Khối Hồi sức - Cấp cứu	
1	Khoa Gây Mê Hồi sức - Cấp cứu - Chống độc; Trung tâm cấp cứu Đa khoa - Đột Quỵ	1 tháng
	Khoa Phụ Sản	
2	Khoa Phụ Sản	5 tháng

3. Yêu cầu thực hành tại khoa lâm sàng

ST	Môn học	Nội dung	Chỉ tiêu (số lần thực hiện)		
			Kiến tập	Phụ làm	Tự làm
1	Thực tập điều dưỡng cơ bản và cấp cứu ban đầu	Tiếp đón người bệnh đến khám và điều trị	1	2	2
		Di chuyển người bệnh	1	2	2
		Đo dấu hiệu sinh tồn	1	2	5
		Cho người bệnh uống thuốc	1	2	2
		Tiêm bắp/tiêm dưới da/tiêm tĩnh mạch	3	5	5
		Truyền dịch	2	2	2
		Truyền máu	2	2	0
		Lấy mẫu làm xét nghiệm	2	2	2
		Thông tiểu	2	2	1

ST	Môn học	Nội dung	Chỉ tiêu (số lần thực hiện)		
			Kiến tập	Phụ làm	Tự làm
		Cho người bệnh thở oxy	1	2	1
		Hút đờm giải	1	2	2
		Xử trí phản vệ	1	1	0
		Thay băng vết thương	1	2	2
		Sơ cứu chảy máu	2	2	0
		Hồi sức tim phổi	1	1	0
			22	**31**	**26**
2	Thực hành chăm sóc thai nghén	Kỹ năng khai thác bệnh sử, tiền sử của thai phụ	2	0	4
		Khám và chăm sóc thai nghén 3 tháng đầu	2	1	1
		Khám và chăm sóc thai nghén 3 tháng giữa	2	1	1
		Khám và chăm sóc thai nghén 3 tháng cuối	2	1	1
		Tư vấn cho sản phụ trong thời kỳ mang thai	2	1	4
			10	**4**	**11**
3	Thực tập chăm sóc chuyển dạ và đỡ đẻ thường	Chuẩn bị dụng cụ cho một cuộc đẻ	1	0	1
		Theo dõi các yếu tố chuyển dạ, vẽ biểu đồ chuyển dạ	4	0	2
		Khám và chăm sóc chuyển dạ giai đoạn 1	4	4	2
		Khám và chăm sóc chuyển dạ giai đoạn 2 (đỡ đẻ thường và ngôi chỏm)	4	4	1
		Khám và chăm sóc chuyển dạ giai đoạn 3 (xử trí tích cực giai đoạn 3)	4	4	2
		Khám và chăm sóc sản phụ 2 giờ đầu sau đẻ	4	4	3
		Khám và chăm sóc sản phụ những ngày sau	2	2	2
		Kỹ thuật nghe tim thai	5	5	2
		Theo dõi tim thai-cơn go tử cung bằng máy Monitoring trước và trong chuyển dạ	2	2	1
		Kỹ thuật rửa âm hộ âm đạo	2	0	1
		Chăm sóc thiết yếu bà mẹ và trẻ sơ sinh ngày đầu và tuần đầu- 6 tuần sau đẻ	2	2	0
		Chăm sóc thiết yếu bà mẹ và trẻ sơ sinh trong và ngay sau đẻ	2	2	0
		Chăm sóc thiết yếu bà mẹ và trẻ sơ	2	2	0

ST	Môn học	Nội dung	Chỉ tiêu (số lần thực hiện)		
			Kiến tập	Phụ làm	Tự làm
		sinh trong và ngay sau mổ lấy thai			
		Kiểm tra nhau	2	2	1
		Theo dõi sản phụ băng huyết sau sinh	1	1	0
		Hướng dẫn bà mẹ cho trẻ bú đúng cách	5	5	2
		Tư vấn nuôi con bằng sữa mẹ	5	5	2
			51	**44**	**22**
4	Thực tập chăm sóc bất thường trong thai nghén	Khám, chăm sóc thai phụ chảy máu nữa đầu thai nghén	4	2	1
		Khám, chăm sóc thai phụ chảy nữa sau thai nghén	4	2	1
		Chăm sóc thai phụ có bệnh nội khoa	2	2	1
		Chăm sóc thai phụ có bệnh ngoại khoa	2	2	0
		Khám, chăm sóc thai phụ nôn nặng, tăng huyết áp do thai, tiền sản giật và sản giật	2	2	1
		Nhận định, chăm sóc thai phụ chảy máu nữa đầu thai nghén	4	2	1
		Nhận định, chăm sóc thai phụ chảy máu nữa sau thai nghén	4	2	1
		Ghi chép HSBA theo quy định	4	0	4
			26	**14**	**10**
5	Thực tập chăm sóc sơ sinh	Chăm sóc trẻ sơ sinh ngay sau đẻ	1	0	1
		Chuẩn bị trang thiết bị và bố trí phòng sơ sinh	1	0	1
		Chăm sóc trẻ sơ sinh đủ tháng	4	2	2
		Chăm sóc trẻ sơ sinh thiếu tháng	1	1	1
		Chăm sóc trẻ sơ sinh có dị tật bẩm sinh	1	1	1
		Chăm sóc trẻ sơ sinh có nhiễm khuẩn da, rốn, vàng da, viêm phổi, tiêu chảy	4	2	1
		Hồi sức sơ sinh	1	1	0
		Xử trí sặc sữa	1	1	0
		Kỹ thuật tắm-chăm sóc rốn trẻ sơ sinh	5	5	2
		Chăm sóc trẻ thở máy	1	1	0
		Chăm sóc trẻ chiếu đèn	1	1	0
		Đặt ống thông dạ dày trẻ sơ sinh	1	1	1
		Nuôi ăn qua ống thông dạ dày ở trẻ sơ sinh	1	1	1
		Ghi chép HSBA theo quy định	4	0	4

ST	Môn học	Nội dung	Chỉ tiêu (số lần thực hiện)		
			Kiến tập	Phụ làm	Tự làm
			27	17	15
6	Thực hành chăm sóc bệnh phụ khoa và KHHGĐ	Khám và chăm sóc bệnh nhân rối loạn kinh nguyệt	2	1	1
		Khám và chăm sóc viêm nhiễm phụ khoa	2	2	1
		Khám và chăm sóc bệnh nhân có khối u sinh dục	2	2	1
		Tư vấn vô sinh	2	1	0
		Trợ giúp bác sỹ thực hiện một số thủ thuật phụ khoa	2	2	0
		Khám phụ khoa	4	2	1
		Chăm sóc bệnh nhân sau mổ phụ khoa	2	2	1
		Tư vấn kế hoạch hóa gia đình	4	0	1
		Ghi chép HSBA theo quy định	3	0	1
			23	12	7

4. Ôn tập tự học kiểm tra đánh giá

STT	Nội Dung	Thời gian (tiết)
1	Ôn tập	20
2	Kiểm tra và đánh giá	25
3	Hoàn chỉnh thủ tục, bế giảng khóa học	5
Tổng		**50**

IV. Chỉ tiêu thực hành:

1. Đối với người thực hành

- Học viên tham gia học tập, thực hành tất cả các nội dung trong chương trình đào tạo.
- Tuân thủ quy chế chuyên môn, nội quy bệnh viện và các quy định của Nhà nước.
- Thực hiện đúng trách nhiệm của người thực hành theo quy định. Tuân thủ theo sự hướng dẫn của người hướng dẫn thực hành.
- Bảo đảm an toàn cho người bệnh trong quá trình thực hành, giữ bí mật thông tin của người bệnh, của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trong quá trình thực hành.
- Không được tự ý thực hiện các thủ thuật, kỹ thuật khi chưa được người hướng dẫn cho phép.
- Thực hiện các nghĩa vụ ghi trong hợp đồng thực hành khám bệnh, chữa bệnh. Đảm bảo kết quả thực hành khám chữa bệnh theo yêu cầu.

2. Đối với người hướng dẫn thực hành

2.1. Tiêu chuẩn

- Có chứng chỉ hành nghề hộ sinh.
- Có phạm vi hoạt động chuyên môn phù hợp với văn bằng của người thực hành, có trình độ đào tạo tương đương hoặc cao hơn người thực hành.
- Có thời gian hành nghề khám bệnh, chữa bệnh liên tục từ 3 năm trở lên.

2.2. Trách nhiệm

- Hướng dẫn thực hành cho người thực hành
- Nhận xét về kết quả thực hành và chịu trách nhiệm về nội dung nhận xét của mình. Quá trình thực hành của người thực hành về các nội dung:

+ Thời gian thực hành.
+ Năng lực thực hành chuyên môn.
+ Đạo đức nghề nghiệp.
+ Ý thức, tổ chức kỷ luật trong thời gian thực hành.

3. Đối với khoa, phòng hướng dẫn thực hành

- Có trách nhiệm triển khai, theo dõi, giám sát, quản lý hoạt động hướng dẫn thực hành tại đơn vị mình.
- Phân công người hướng dẫn thực hành.
- Phân công nhiệm vụ, công việc cho người thực hành thực hiện công tác khám, chữa bệnh cùng với nhóm nhân viên trong khoa. Ngoài ra, người điều dưỡng mới phat huy tính tự chủ, tự học và vận dụng kinh nghiệm đã học vào chăm sóc người bệnh; được tham gia trực và học tập ngoài giờ cùng người hướng dẫn.
- Khi học thực hành lâm sàng, người hướng dẫn yêu cầu học viên đọc trước, nêu ý kiến thảo luận về các vấn đề lý thuyết liên quan, về quy trình, bảng kiểm thực hành. Sau đó thảo luận đưa ra ý kiến phản hồi giúp học viên/nhóm học viên tiếp tục học tập để hoàn thiện kỹ năng.
- Xác nhận quá trình thực hành theo đúng quy định.

V. Đánh giá hoàn thành quá trình thực hành

1. Phương pháp đánh giá

- Lượng giá thực hành: bảng kiểm sau khi hoàn thành các nội dung.
- Hoàn thành ít nhất 5 bài tập nghiên cứu ca bệnh – áp dụng quy trình kỹ thuật vào thực tế chăm sóc, bao gồm cả nội dung tư vấn và giáo dục sức khỏe.

2. Giấy xác nhận quá trình thực hành

- Học viên sau khi hoàn thành chương trình đào tạo, đạt các yêu cầu theo phương pháp đánh giá như mô tả tại mục trên
- Sau khi có nhận xét bằng văn bản của người hướng dẫn thực hành đối với người thực hành được Giám đốc Bệnh viện Trường Đại học Y - Dược Huế cấp Giấy xác nhận quá trình thực hành theo quy định tại Nghị định 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y - DƯỢC, ĐẠI HỌC HUẾ
BỆNH VIỆN TRƯỜNG ĐH Y-DƯỢC HUẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH THỰC HÀNH KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH ĐỐI VỚI CHỨC DANH KỸ THUẬT Y

(Đính kèm Bản công bố Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành số: 675 /BCB-BVYD ngày 10 tháng 4 năm 2025 của Bệnh viện Trường Đại học Y - Dược Huế)

I. DÀNH CHO KỸ THUẬT VIÊN XÉT NGHIỆM

1. Mục tiêu khóa học

- Hoàn thiện các kiến thức Y học liên quan đến chuyên ngành xét nghiệm.
- Thành thạo các kỹ năng thực hành trong lĩnh vực xét nghiệm

1.1. Kiến thức

- Trình bày được nguyên lý của các kỹ thuật Hóa sinh - Miễn dịch cơ bản
- Áp dụng được các quy trình vận hành, bảo quản, bảo dưỡng các trang thiết bị, máy móc vào thực hành xét nghiệm Hóa sinh - Miễn dịch
- Giải thích được các vấn đề liên quan đến kiểm tra chất lượng xét nghiệm Hóa sinh - Miễn dịch
- Trình bày được các quy định về an toàn phòng xét nghiệm
- Biện luận được các kết quả xét nghiệm Hóa sinh - Miễn dịch cơ bản

1.2. Kỹ năng

- Thực hiện được việc lấy mẫu bệnh phẩm, bảo quản và lưu giữ mẫu
- Thực hiện được việc pha hóa chất trong thực hành xét nghiệm
- Vận hành được máy móc, trang thiết bị trong phòng xét nghiệm Hóa sinh - Miễn dịch
- Thực hiện được các quy trình kiểm tra chất lượng xét nghiệm để đảm bảo trả kết quả chính xác.
- Phân tích được các kết quả nội kiểm tra và ngoại kiểm tra chất lượng xét nghiệm
- Thực hiện được các kỹ thuật xét nghiệm vi sinh cơ bản.
- Thực hành được các biện pháp nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu lây nhiễm phòng xét nghiệm.

1.3. Thái độ

- Tuân thủ nghiêm ngặt các quy trình đảm bảo chất lượng về trang thiết bị, hóa chất, sinh phẩm, quy trình xét nghiệm chuẩn.
- Trung thực, khách quan với các kết quả kiểm tra chất lượng của phòng xét nghiệm Trình bày được các nguyên lý của các kỹ thuật xét nghiệm vi sinh cơ bản (nhuộm soi, test nhanh…) trong phát hiện, chẩn đoán vi sinh vật gây bệnh.
- Nêu được quy trình và trang thiết bị để thực hiện các kỹ thuật này.

- Học viên có thái độ học tập nghiêm túc; tham gia đầy đủ các buổi học; tích cực tự học, tìm kiếm tài liệu.
- Ý thức được tầm quan trọng của việc tuân thủ các quy định và hướng dẫn để ngăn ngừa, giảm thiểu các lây nhiễm từ phòng xét nghiệm

2. Thời lượng đào tạo

- Thời gian đào tạo trong 06 tháng
- Tổng số tiết đào tạo quy đổi: 1056 tiết
    - Lý thuyết: 166
    - Thực hành: 840
    - Ôn tập, tự học, kiểm tra đánh giá: 50

3. Nội dung đào tạo:

STT	Nội dung	Số tiết
I. Kiến thức chung		
1	Giới thiệu tổ chức, quy chế chuyên môn, quy định của bệnh viện về tổ chức đào tạo; Quy định một số điều của Luật khám chữa bệnh liên quan, an toàn người bệnh, chính sách bảo hiểm y tế; Kỹ năng giao tiếp, tư vấn, giáo dục sức khoẻ trong chăm sóc người bệnh	50
II. Thực hành KB, CB về Hồi sức Cấp cứu		
1. Khoa Gây mê Hồi sức - Cấp cứu - Chống độc		
2	Chăm sóc giảm đau	10
3	Kỹ thuật truyền dịch, truyền máu	20
4	Theo dõi lượng dịch vào, ra	10
5	Kỹ thuật chăm sóc vết thương và ống dẫn lưu	10
6	Dự phòng và chăm sóc loét tỳ đè cho người bệnh	10
7	Sử dụng và quản lý các máy y tế: Monitor, máy truyền dịch, máy bơm tiêm điện, máy điện tim	20
8	Chăm sóc và theo dõi bệnh nhân hôn mê	20
9	Kỹ thuật hỗ trợ hô hấp và quản lý đường thở	20
10	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp cơ bản	20
11	Phòng và xử trí phản vệ	20
2. Trung tâm Cấp cứu Đa khoa và Đột quỵ		
12	Cấp Cứu ngừng tuần hoàn hô hấp	24
13	Xử lý phản vệ	32
14	Đo điện tim tại giường	8
15	Cầm máu vết thương	16
16	Thông tiểu	8
17	Chuẩn bị bệnh nhân mổ cấp cứu	16
18	Nhận diện người bệnh	8
19	Kỹ thuật tiêm truyền	24
20	Khí dung	8
21	Thở oxy qua mũi	8
22	Đường máu tại giường	8
III. Thực hành Hóa sinh - Miễn dịch		

23	Cách lấy mẫu bệnh phẩm và bảo quản bệnh phẩm	24
24	Pha hóa chất chạy mẫu kiểm tra, mẫu chuẩn	20
25	Vận hành máy ly tâm	8
26	Cài đặt chương trình thực hiện xét nghiệm cơ bản	20
27	Cài đặt chương trình chạy mẫu kiểm tra, mẫu chuẩn	12
28	Vận hành máy Sinh hóa miễn dịch tự động (đo các thông số xét nghiệm trong bệnh đái tháo đường, bệnh lý thận, gan mật, tim mạch, ung thư…)	80
29	Vận hành máy đo các thông số nước tiểu	12
30	Vận hành máy phân tích điện giải đồ	24
31	Vận hành máy khí máu	24
32	Xử lý các lỗi trong quá trình vận hành máy	12
33	Bảo trì, thay hóa chất và phụ gia trên các máy xét nghiệm	12
34	Phân tích kết quả nội kiểm tra, ngoại kiểm tra chất lượng	20
35	Phân tích được kết quả xét nghiệm	32
36	Xử lý mẫu bệnh phẩm sau xét nghiệm	20
IV. Thực hành Khoa Vi sinh		
37	Các kỹ thuật chẩn đoán vi sinh vật gây nhiễm khuẩn	8
38	Các quy định an toàn sinh học trong phòng xét nghiệm vi sinh	8
39	Bố trí phòng xét nghiệm vi sinh và các trang thiết bị sử dụng trong phòng xét nghiệm vi sinh	4
40	Các dụng cụ và phương tiện cơ bản trong phòng xét nghiệm vi sinh	8
41	Tiệt khuẩn và khử khuẩn ở phòng xét nghiệm vi sinh	30
42	Cách làm tiêu bản vi sinh vật và các kỹ thuật nhuộm vi khuẩn	70
43	Kỹ thuật nhuộm soi mẫu bệnh phẩm nước tiểu, phân và các chất dịch cơ thể (dịch não tuỷ, dịch màng phổi, dịch màng bụng…)	70
44	Kỹ thuật huyết thanh học chẩn đoán vi khuẩn (giang mai, thương hàn…)	30
45	Kỹ thuật xét nghiệm chẩn đoán nhanh bệnh nhiễm trùng (Rapid diagnostic test: RDT)	12
V. Thực hành Khoa Huyết học - Truyền máu		
46	Dòng hồng cầu, bạch cầu, tiểu cầu	20
47	Lấy máu tĩnh mạch	12
48	Kéo lam, nhuộm tiêu bản máu dàn, tủy bằng Giêmsa	8
49	- Thực hành trên hệ thống máy xét nghiệm tổng phân tích tế bào máu tự động. + Chạy mẫu bệnh phẩm, mẫu nội kiểm huyết học + Xem xét kết quả QC và kiểm soát giá trị QC	55
50	- Thực hành trên hệ thống máy xét nghiệm đông máu tự động + Chạy mẫu bệnh phẩm, mẫu nội kiểm đông máu + Xem xét kết quả QC và kiểm soát giá trị QC	55
51	Định nhóm máu ABO-Rh trên đá, trên ống nghiệm, trên thẻ định nhóm máu và thao tác được trên hệ thống máy xét nghiệm gelcard bán tự động và tự động.	40
52	Phản ứng hòa hợp trong môi trường muối và globulin	40

53	Thực hiện các xét nghiệm test nhanh trong sàng lọc: HCV, HIV, HbsAg, Dengue sốt xuất huyết.	10

4. Thực hành

Học viên sẽ luân phiên thực hành tại 4 đơn vị thuộc Khối Hồi sức - Cấp cứu, Khoa Hóa sinh - Miễn dịch, Khoa Vi sinh và Khoa Huyết học - Truyền máu trong thời gian 6 tháng.

STT	Khoa thực hành	Thời gian
1	Khoa Gây Mê Hồi sức - Cấp cứu - Chống độc; Trung tâm cấp cứu Đa khoa - Đột Quỵ	1 tháng
2	Khoa Hóa sinh - Miễn dịch	2 tháng
3	Khoa Vi sinh	1,5 tháng
4	Khoa Huyết học - Truyền máu	1,5 tháng

5. Ôn tập tự học kiểm tra đánh giá

STT	Nội Dung	Thời gian (tiết)
1	Ôn tập	20
2	Kiểm tra và đánh giá	25
3	Hoàn chỉnh thủ tục, bế giảng khóa học	5
Tổng		**50**

II. DÀNH CHO KỸ THUẬT VIÊN HÌNH ẢNH Y HỌC

1. Mục tiêu khóa học

- Thực hiện thành thạo các kỹ thuật X-quang thường quy, X-quang đặc biệt, cắt lớp vi tính và cộng hưởng từ tại Khoa
- Phối hợp tốt với bác sỹ chẩn đoán hình ảnh, bác sỹ lâm sàng và các nhân viên y tế khác khi thực hiện các kỹ thuật thủ thuận chẩn đoán hình ảnh – can thiệp
- Có thái độ tôn trọng thấu cảm với người bệnh, người nhà bệnh nhân và đồng nghiệp
- Ngoài ra, học viên sau khi hoàn thành khóa học này, có thể:
- Lập được kế hoạch chăm sóc bệnh nhân nặng cần hồi sức tích cực theo từng bệnh lý thường gặp.
- Thực hiện được các bước cơ bản trong chăm sóc bệnh nhân nặng cần hồi sức tích cực

2. Thời lượng đào tạo

- Thời gian đào tạo trong 06 tháng
- Tổng số tiết đào tạo quy đổi: 1056 tiết
    - Lý thuyết: 242
    - Thực hành: 764

- Ôn tập, tự học, kiểm tra đánh giá: 50

3. Nội dung đào tạo:

STT	Nội dung	Số tiết
I. Kiến thức chung		
1	Giới thiệu tổ chức, quy chế chuyên môn, quy định của bệnh viện về tổ chức đào tạo; Quy định một số điều của Luật khám chữa bệnh liên quan, an toàn người bệnh, chính sách bảo hiểm y tế; Kỹ năng giao tiếp, tư vấn, giáo dục sức khoẻ trong chăm sóc người bệnh	50
II. Thực hành KB, CB về Hồi sức Cấp cứu		
1. Khoa Gây mê Hồi sức - Cấp cứu - Chống độc		
2	Chăm sóc giảm đau	10
3	Kỹ thuật truyền dịch, truyền máu	20
4	Theo dõi lượng dịch vào, ra	10
5	Kỹ thuật chăm sóc vết thương và ống dẫn lưu	10
6	Dự phòng và chăm sóc loét tỳ đè cho người bệnh	10
7	Sử dụng và quản lý các máy y tế: Monitor, máy truyền dịch, máy bơm tiêm điện, máy điện tim	20
8	Chăm sóc và theo dõi bệnh nhân hôn mê	20
9	Kỹ thuật hỗ trợ hô hấp và quản lý đường thở	20
10	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp cơ bản	20
11	Phòng và xử trí phản vệ	20
2. Trung tâm Cấp cứu Đa khoa và Đột quỵ		
12	Cấp Cứu ngừng tuần hoàn hô hấp	24
13	Xử lý phản vệ	32
14	Đo điện tim tại giường	8
15	Cầm máu vết thương	16
16	Thông tiểu	8
17	Chuẩn bị bệnh nhân mổ cấp cứu	16
18	Nhận diện người bệnh	8
19	Kỷ thuật tiêm truyền	24
20	Khí dung	8
21	Thở oxy qua mũi	8
22	Đường máu tại giường	8
III. Thực hành Khoa Chẩn đoán hình ảnh		
23	Thực hiện các kỹ thuật chụp x quang thường quy	40
24	Thực hiện các kỹ thuật chụp x quang tuyến vú	40
25	Phối hợp cùng các bác sỹ thực hiện các kỹ thuật chụp x quang đặc biệt	40
26	Chụp CLVT không tiêm thuốc cản quang	120
27	Chụp CLVT có tiêm thuốc cản quang	80
28	Chụp CLVT tim và mạch máu	80
29	Chụp CHT không tiêm chất thuốc cản từ	120
30	Chụp CHT có tiêm chất thuốc cản từ	120
31	Chụp CHT tim và mạch máu	80

32	Phối hợp cùng các bác sỹ thực hiện các kỹ thuật can thiệp dưới hướng dẫn máy số hoá xoá nền DSA	40
33	Phối hợp cùng các bác sỹ thực hiện các kỹ thuật can thiệp, sinh thiết dưới hướng dẫn Siêu âm, X-quang, CLVT, MRI	40

4. Thực hành

Học viên sẽ luân phiên thực hành tại 2 đơn vị thuộc Khối Hồi sức - Cấp cứu, và Khoa Chẩn đoán hình ảnh trong thời gian 6 tháng.

STT	Khoa thực hành	Thời gian
1	Khoa Gây Mê Hồi sức - Cấp cứu - Chống độc; Trung tâm cấp cứu Đa khoa - Đột Quỵ	1 tháng
2	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	5 tháng

5. Ôn tập tự học kiểm tra đánh giá

STT	Nội Dung	Thời gian (tiết)
1	Ôn tập	20
2	Kiểm tra và đánh giá	25
3	Hoàn chỉnh thủ tục, bế giảng khóa học	5
Tổng		**50**

III. ĐỐI VỚI KỸ THUẬT VIÊN PHỤC HỒI CHỨC NĂNG

1. Mục tiêu khóa học

- Lập được kế hoạch chăm sóc bệnh nhân nặng cần hồi sức tích cực theo từng bệnh lý thường gặp.
- Thực hiện được các bước cơ bản trong chăm sóc bệnh nhân nặng cần hồi sức tích cực.
- Sau khi hoàn thành chương trình học viên có thể thực hiện được các kỹ thuật điều trị trong chuyên khoa Phục hồi chức năng.

2. Thời lượng đào tạo

- Thời gian đào tạo trong 06 tháng
- Tổng số tiết đào tạo quy đổi: 1056 tiết
  - Lý thuyết: 310
  - Thực hành: 696
  - Ôn tập, tự học, kiểm tra đánh giá: 50

3. Nội dung đào tạo:

STT	Nội dung	Số tiết
I. Kiến thức chung		
1	Giới thiệu tổ chức, quy chế chuyên môn, quy định của bệnh viện về tổ chức đào tạo; Quy định một số điều của Luật khám chữa bệnh liên quan, an toàn người bệnh, chính sách bảo hiểm y tế; Kỹ	50

	năng giao tiếp, tư vấn, giáo dục sức khoẻ trong chăm sóc người bệnh	
II. Thực hành KB, CB về Hồi sức Cấp cứu		
1. Khoa Gây mê Hồi sức - Cấp cứu - Chống độc		
2	Chăm sóc giảm đau	10
3	Theo dõi lượng dịch vào, ra	10
4	Kỹ thuật chăm sóc vết thương và ống dẫn lưu	10
5	Dự phòng và chăm sóc loét tỳ đè cho người bệnh	10
6	Sử dụng và quản lý các máy y tế: Monitor, máy truyền dịch, máy bơm tiêm điện, máy điện tim	20
7	Chăm sóc và theo dõi bệnh nhân hôn mê	20
8	Kỹ thuật hỗ trợ hô hấp và quản lý đường thở	20
9	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp cơ bản	20
10	Phòng và xử trí phản vệ	20
2. Trung tâm Cấp cứu Đa khoa và Đột quỵ		
11	Cấp Cứu ngừng tuần hoàn hô hấp	24
12	Xử lý phản vệ	32
13	Đo điện tim tại giường	8
14	Cầm máu vết thương	16
15	Thông tiểu	8
16	Chuẩn bị bệnh nhân mổ cấp cứu	16
17	Nhận diện người bệnh	8
18	Kỷ thuật tiêm truyền	24
19	Khí dung	8
20	Thở oxy qua mũi	8
21	Đường máu tại giường	8
III. Thực hành Khoa Phục hồi chức năng		
22	Điều trị bằng sóng ngắn và sóng cực ngắn	6
23	Điều trị bằng vi sóng	6
24	Điều trị bằng từ trường	6
25	Điều trị bằng dòng điện một chiều đều	6
26	Điều trị bằng điện phân dẫn thuốc	6
27	Điều trị bằng các dòng điện xung	6
28	Điều trị bằng siêu âm	6
29	Điều trị bằng sóng xung kích	6
30	Điều trị bằng dòng giao thoa	6
31	Điều trị bằng tia hồng ngoại	6
32	Điều trị bằng Laser công suất thấp	6
33	Điều trị bằng tia tử ngoại tại chỗ	6
34	Điều trị bằng tia tử ngoại toàn thân	6
35	Điều trị bằng nhiệt nóng (chườm nóng)	6
36	Điều trị bằng nhiệt lạnh (chườm lạnh)	6
37	Điều trị bằng Parafin	6
38	Điều trị bằng xông hơi (tắm hơi)	6
39	Điều trị bằng bồn xoáy hoặc bể sục	6

40	Điều trị bằng tia nước áp lực cao	6
41	Thủy trị liệu toàn thân (bể bơi, bồn ngâm)	6
42	Điều trị bằng bùn khoáng	6
43	Điều trị bằng nước khoáng	6
44	Điều trị bằng oxy cao áp	6
45	Điều trị bằng máy kéo giãn cột sống	6
46	Điều trị bằng điện trường cao áp	6
47	Điều trị bằng ion tĩnh điện	6
48	Điều trị bằng ion khí	6
49	Điều trị bằng tĩnh điện trường	6
50	Tập vận động thụ động	12
51	Tập vận động có trợ giúp	12
52	Tập vận động chủ động	12
53	Tập vận động tự do tứ chi	12
54	Tập vận động có kháng trở	12
55	Tập kéo dãn	6
56	Tập nằm đúng tư thế cho người bệnh liệt nửa người	6
57	Kỹ thuật tập tay và bàn tay cho người bệnh liệt nửa người	6
58	Kỹ thuật tập đứng và đi cho người bệnh liệt nửa người	6
59	Kỹ thuật đặt tư thế đúng cho người bệnh liệt tủy	6
60	Tập lăn trở khi nằm	6
61	Tập thay đổi tư thế từ nằm sang ngồi	6
62	Tập ngồi thăng bằng tĩnh và động	6
63	Tập thay đổi tư thế từ ngồi sang đứng	6
64	Tập đứng thăng bằng tĩnh và động	6
65	Tập dáng đi	6
66	Tập đi với thanh song song	6
67	Tập đi với khung tập đi	6
68	Tập đi với nạng (nạng nách, nạng khuỷu)	6
69	Tập đi với bàn xương cá	6
70	Tập đi trên máy thảm lăn (Treadmill)	6
71	Tập lên, xuống cầu thang	6
72	Tập đi trên các địa hình	6
73	Tập đi với chân giả trên gối	6
74	Tập đi với chân giả dưới gối	6
75	Tập vận động trên bóng	6
76	Tập tạo thuận thần kinh cơ cảm thụ bản thể (PNF) chi trên	6
77	Tập tạo thuận thần kinh cơ cảm thụ bản thể (PNF) chi dưới	6
78	Tập tạo thuận thần kinh cơ cảm thụ bản thể (PNF) chức năng	6
79	Tập với thang tường	6
80	Tập với ròng rọc	6
81	Tập với dụng cụ quay khớp vai	6
82	Tập với dụng cụ chèo thuyền	6
83	Tập với giàn treo các chi	6
84	Tập với ghế tập mạnh cơ tứ đầu đùi	6

85	Tập với xe đạp tập	6
86	Tập thăng bằng với bàn bập bênh	6
87	Tập với bàn nghiêng	6
88	Tập các kiểu thở	6
89	Tập ho có trợ giúp	6
90	Kỹ thuật vỗ, rung lồng ngực	6
91	Kỹ thuật dẫn lưu tư thế	6
92	Kỹ thuật kéo nắn	6
93	Kỹ thuật di động khớp	6
94	Kỹ thuật di động mô mềm	6
95	Kỹ thuật tập chuỗi đóng và chuỗi mở	6
96	Kỹ thuật ức chế co cứng tay	6
97	Kỹ thuật ức chế co cứng chân	6
98	Kỹ thuật ức chế co cứng thân mình	6
99	Kỹ thuật xoa bóp	6
100	Kỹ thuật ức chế và phá vỡ các phản xạ bệnh lý	6
101	Kỹ thuật kiểm soát đầu, cổ và thân mình	6
102	Tập điều hợp vận động	6
103	Tập mạnh cơ sàn chậu	6
104	Kỹ thuật tập sử dụng và điều khiển xe lăn	6
105	Hướng dẫn người liệt hai chân ra vào xe lăn	6
106	Hướng dẫn người liệt nửa người ra vào xe lăn	6
107	Tập các vận động thô của bàn tay	6
108	Tập các vận động khéo léo của bàn tay	6
109	Tập phối hợp hai tay	6
110	Tập phối hợp mắt tay	6
111	Tập phối hợp tay miệng	6
112	Tập các chức năng sinh hoạt hàng ngày (ADL) (ăn uống, tắm rửa, vệ sinh, vui chơi giải trí…)	6
113	Tập điều hòa cảm giác	6
114	Tập tri giác và nhận thức	6
115	Tập các chức năng sinh hoạt hàng ngày với các dụng cụ trợ giúp thích nghi	6
116	Tập nuốt	6
117	Tập nói	6
118	Tập nhai	6
119	Tập phát âm	6
120	Tập giao tiếp	6
121	Tập cho người thất ngôn	6
122	Tập luyện giọng	6
123	Tập sửa lỗi phát âm	6
124	Lượng giá chức năng người khuyết tật	6
125	Lượng giá chức năng tim mạch và hô hấp	6
126	Lượng giá chức năng tâm lý	6
127	Lượng giá chức năng tri giác và nhận thức	6

128	Lượng giá chức năng ngôn ngữ	6
129	Lượng giá chức năng thăng bằng	6
130	Lượng giá chức năng dáng đi	6
131	Lượng giá chức năng sinh hoạt hàng ngày	6
132	Lượng giá lao động hướng nghiệp	6
133	Thử cơ bằng tay	6
134	Đo tầm vận động khớp	6
135	Lượng giá sự phát triển của trẻ theo tuổi	6
136	Lượng giá sự phát triển tâm thần kinh ở trẻ bằng tét Denver	6
137	Kỹ thuật thông tiểu ngắt quãng trong phục hồi chức năng tủy sống	6
138	Kỹ thuật tập đường ruột cho người bệnh tổn thương tủy sống	6
139	Kỹ thuật can thiệp rối loạn đại tiện bằng phản hồi sinh học (Biofeedback)	6
140	Băng nẹp bảo vệ bàn tay chức năng (trong liệt tứ chi)	6
141	Kỹ thuật bó bột Hip Spica Cast điều trị trật khớp háng bẩm sinh	6
142	Kỹ thuật điều trị bàn chân khoèo bẩm sinh theo phương pháp Ponsetti	6
143	Kỹ thuật băng chun mỏm cụt chi trên	6
144	Kỹ thuật băng chun mỏm cụt chi dưới	6
145	Kỹ thuật tập sử dụng tay giả trên khuỷu	6
146	Kỹ thuật tập sử dụng tay giả dưới khuỷu	6
147	Kỹ thuật sử dụng chân giả tháo khớp háng	6
148	Kỹ thuật sử dụng chân giả trên gối	6
149	Kỹ thuật sử dụng chân giả dưới gối	6
150	Kỹ thuật sử dụng nẹp dạng khớp háng (S.W.A.S.H)	6
151	Kỹ thuật sử dụng nẹp trên gối có khớp háng HKAFO	6
152	Kỹ thuật sử dụng nẹp trên gối KAFO	6
153	Kỹ thuật sử dụng nẹp cổ bàn chân AFO	6
154	Kỹ thuật sử dụng đệm bàn chân FO	6
155	Kỹ thuật sử dụng nẹp cổ bàn tay WHO	6
156	Kỹ thuật sử dụng giày dép cho người bệnh phong	6
157	Kỹ thuật sử dụng áo nẹp cột sống thắt lưng cứng	6
158	Kỹ thuật sử dụng áo nẹp cột sống thắt lưng mềm	6
159	Kỹ thuật sử dụng áo nẹp chỉnh hình cột sống ngực thắt lưng TLSO (điều trị cong vẹo cột sống)	6

4. Thực hành

Học viên sẽ luân phiên thực hành tại 2 đơn vị thuộc Khối Hồi sức - Cấp cứu, và Khoa Phục hồi chức năng trong thời gian 6 tháng.

STT	Khoa thực hành	Thời gian
1	Khoa Gây Mê Hồi sức - Cấp cứu - Chống độc; Trung tâm cấp cứu Đa khoa - Đột Quỵ	1 tháng

2	Khoa Phục hồi chức năng	5 tháng

5. Ôn tập tự học kiểm tra đánh giá

STT	Nội Dung	Thời gian (tiết)
1	Ôn tập	20
2	Kiểm tra và đánh giá	25
3	Hoàn chỉnh thủ tục, bế giảng khóa học	5
Tổng		**50**

IV. CHỈ TIÊU THỰC HÀNH

1. Đối với người thực hành

- Học viên tham gia học tập, thực hành tất cả các nội dung trong chương trình đào tạo.
- Số lần thực hành mỗi kỹ năng, mức độ thành thạo theo quy định cụ thể của khoa.
- Hoàn thành 100% các nội dung thực hành tại khoa

2. Đối với người hướng dẫn thực hành

- Thực hiện đúng quy chế chuyên môn, nội quy bệnh viện và các quy định của Nhà nước.
- Có trách nhiệm hướng dẫn người thực hành thực hiện công tác khám, chữa bệnh theo đúng quy chế Bệnh viện và quy định của pháp luật để đạt kết quả theo yêu cầu
- Bảo đảm an toàn cho người bệnh trong quá trình hướng dẫn thực hành.
- Hàng ngày dành 30 phút để hướng dẫn, trao đổi chuyên môn, nghiệp vụ và công việc khám chữa bệnh với người thực hành.
- Ngay sau khi kết thúc thời gian thực hành, người được phân công hướng dẫn có trách nhiệm đánh giá, nhận xét quá trình thực hành của người thực hành về các nội dung:

+ Thời gian thực hành.
+ Năng lực thực hành chuyên môn.
+ Đạo đức nghề nghiệp.
+ Ý thức, tổ chức kỷ luật trong thời gian thực hành.

3. Đối với khoa, phòng hướng dẫn thực hành

- Có trách nhiệm triển khai, theo dõi, giám sát, quản lý hoạt động hướng dẫn thực hành tại đơn vị mình.
- Phân công người hướng dẫn thực hành.
- Phân công nhiệm vụ, công việc cho người thực hành thực hiện công tác khám, chữa bệnh, chăm sóc người bệnh tại đơn vị mình.
- Xác nhận quá trình thực hành theo đúng quy định.

V. ĐÁNH GIÁ HOÀN THÀNH QUÁ TRÌNH THỰC HÀNH

- Học viên tham gia đầy đủ các giờ học lý thuyết, thực hành theo quy định.
- Điều kiện tham gia đánh giá: Tham gia 100% số tiết thực hành và tối thiểu 80% lý

thuyết, các bài tập về ca bệnh

VI. XÁC NHẬN QUÁ TRÌNH THỰC HÀNH

- Học viên sau khi hoàn thành chương trình đào tạo, đạt các yêu cầu có nhận xét bằng văn bản của người hướng dẫn thực hành đối với người thực hành được Giám đốc Bệnh viện Trường Đại học Y - Dược Huế cấp Giấy xác nhận quá trình thực hành theo quy định tại Nghị định 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023.